

Tây Phương Xác Chỉ

Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát giảng

Bồ Tát giới đệ tử Thường Nhiếp kết tập

(dịch theo bản in của Phật Đà Giáo Dục Cơ Kim Hội)

Lời Tựa

Mùa Hạ năm Đinh Mùi ⁽¹⁾, tôi qua thăm phương trượng Hòa Thượng Tuyết Sơn. Hòa Thượng lấy một cuốn sách trao cho tôi bảo:

- Đây là chiếc thuyền báu. Duyên khởi của cuốn sách này rất lạ lùng: Vào cuối đời nhà Minh, ở Ngô Thành có tám người bạn cùng tu huyền môn. Ngày ngày thường thỉnh tiên giảng cơ luận bàn đạo thuật. Rồi sau có một vị tiên giảng xuống, luận đạo khác hẳn chư tiên khác. Do đàm đạo lâu ngày nên càng thêm thân thiết. Mãi lâu sau, tiên chợt khuyên niệm Phật. Mọi người hỏi: “Có nên niệm Phật không?” Tiên đáp: “Nên chứ!”. Mọi người đều niệm Nam Mô Phật. Tiên bảo: “Không phải niệm như vậy”. Mọi người hỏi: “Vậy thì niệm ra sao?” Đáp: “Các ông nên chấp tay, chí tâm, hướng về Tây đánh lễ, niệm Nam Mô A Di Đà Phật”. Mọi người vâng lời. Từ đó, tiên khéo ngầm dạy pháp môn Niệm Phật cho mọi người khiến họ bỏ ngụy quy chơn, cầu sanh Cực Lạc. Đến khi đó, tiên mới bảo cho họ biết những nhân duyên quá khứ, danh hiệu Bồ Tát (ngài là một vị Bồ Tát thị hiện) và hóa hiện những điềm lành như mùi hương lạ, các thứ hoa trời... Tám người ấy đều bỏ lối tu tà vạy xưa kia, quy hướng chánh tín. Ông Vô Hủ là thầy của bọn tám người ấy. Bồ Tát bảo ông đến xin thọ giới với hòa thượng Tam Muội để được trọn vẹn Tăng tướng. Lúc đầu, Hòa Thượng cất vấn, nhưng sau khi đọc xong bài kệ vịnh trăng của Bồ Tát, ngài liền hướng về Tây kính lễ, rồi làm lễ thể độ cho ông. Nguyên do là lúc Bồ Tát mới giảng cơ, ai cũng tưởng ngài là tiên, bèn lấy vàng trắng làm đề mục bảo ngài làm thơ. Nhân đó, Bồ Tát bèn ban bài kệ như sau:

Nhất nguyệt quang hàm thiên thể giới

Phân thân vô lượng chiếu quần mê

Đương tri bản thể nguyên vô nhị

Bất động trang nghiêm biến hóa cơ

(Dịch nghĩa:

Một ánh trăng chiếu trọn khắp tam thiên đại thiên thể giới. Phân thân vô lượng giác ngộ tất cả những kẻ còn đang si mê. Mới biết là bản thể vốn chẳng hai. Pháp thân bất động trang nghiêm biến hóa độ khắp các căn cơ).

Bắt đầu từ ngày 28 tháng 5 năm Quý Mùi đời vua Sùng Trinh nhà Minh cho đến ngày mồng Hai tháng Mười năm Đinh Hợi đời vua Thuận Trị nhà Thanh ⁽²⁾ trước sau Bồ Tát giảng cơ hăm bốn lần. Những lời ngài giảng ra đều là những điểm trọng yếu màu nhiệm trong việc tu hành. Do trong bài kệ

của ngài có chữ “xác chỉ chánh tu lộ” (chỉ đích xác con đường chánh tu hành) nên họ bèn đặt tên tác phẩm này là Tây Phương Xác Chỉ.

Tôi đọc xong, thân tâm hớn hờ khác gì được giọt đề hồ thấm sâu vào gan ruột. Bởi thế, cứ khen lạ không ngớt. Hòa Thượng bảo: “Lúc ban đầu tôi cũng chẳng tin, nhưng đọc xong rồi thần trí sáng rõ, muốn không tin cũng chẳng nổi”. Tôi thưa: “Trong những nhân duyên xưa kia, Bồ Tát với tám người ấy có duyên lớn, nghĩ thương xót họ hết mực nên mới quyền xảo tiếp dẫn họ như thế, chứ đâu có giống như những bọn thần quỷ thường giáng cơ. Hơn nữa, con xem lúc sắp chia tay Bồ Tát có nói: “Bày ra cầu cơ vốn là chuyện để thần quỷ dựa dẫm vào, chứ nào phải là việc thường ứng hóa của bậc Đại Bồ Tát”. Lẽ đâu lại coi cuốn sách này giống như sách cầu cơ ư?”

Khi ấy, tôi nguyện khắc in sách này để lưu truyền rộng rãi nhằm lợi lạc khắp các hữu tình, nhưng chưa đủ nhân duyên. Mãi đến mùa Xuân năm Kỷ Dậu, các bạn đạo Tăng, tục không ai chẳng hớn hờ, mừng rỡ, nguyện góp của để giúp hoàn thành việc ấn loát. Thậm chí có kẻ đọc đến liền khóc, khóc xong đọc tiếp, bỏ ngay nhà cửa, y phục, đồ đạc mình vốn yêu thích để vào núi sâu niệm Phật. Há có phải là Bồ Tát dùng lòng vô duyên từ nhiếp hóa chúng sanh thật chẳng thể nghĩ bàn hay không? Tôi bèn cùng hai vị lão pháp sư Linh Hy và Huệ Tiếp thuê người khắc ván. Khắc xong, bèn ghi đầu đuôi sự việc như thế.

Ngày rằm tháng Chín năm Kỷ Dậu (1669) đời Khang Hy,
Cổ Ngô Tịnh nghiệp đệ tử Lương Tây Kim Ngạc soạn.

(1) Năm Đinh Mùi đời Khang Hy (1667), hòa thượng Tuyết Sơn truyền cho ông Kim Ngạc cuốn sách Tây Phương Xác Chỉ này.

(2) Năm Quý Mùi đời vua Minh Sùng Trinh đến năm Đinh Hợi đời vua Thanh Thuận Trị là từ năm 1643 đến năm 1647. Từ lúc Bồ Tát giáng xuống pháp hội cho đến khi ngài chia tay, thời gian hơn bốn năm. Tất cả gồm hăm bốn hội. Trong khoảng thời gian đó, vào năm 1645, quân Thanh vây hãm Dương Châu, tàn sát dân trong thành suốt cả mười ngày, giết chết tám mươi vạn người; rồi lại vây hãm Giang Lăng, giết thêm mười ba vạn người nữa. Ngô thành nay là thành phố Tô Châu, nằm ở phía dưới Giang Lăng, gần Thái Hồ. Như sử nhà Thanh chép: ‘Vương binh (quân Thanh) đánh xuống Tam Ngô, bọn giặc ở vùng Thái Hồ bị tấn công bất ngờ, không chỗ đào thoát’ chính là nói đến thời gian này.

Tây Phương Xác Chỉ
Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát giảng
Bồ Tát giới đệ tử Thường Nhiếp kết tập

Một thuở nọ, Bồ Tát từ cõi Cực Lạc hiện đến, giáng xuống đàn cầu cơ ở đất Cổ Câu Ngô xứ Chấn Đán (Trung Hoa) cõi Sa Bà. Chúng đệ tử trong hội do có nhân duyên xưa kia với ngài đều được hóa độ. Để dạy họ pháp môn Tịnh Độ, Bồ Tát bèn nói kệ rằng:

Pháp yếu của chư Phật
Vi mật chẳng nghĩ bàn
Do chẳng nghĩ bàn nổi
Chẳng thể nói hết được
Đại Từ Phụ Mẫu Ni,
Xót thương các chúng sanh
Nói pháp chẳng thể nói
Dạy đời này, đời sau
Lại dùng phương tiện lạ
Hiện thị cõi An Lạc
Khiến phát nguyện vãng sanh
Cắt ngang các nẻo ác
Do Phật A Di Đà
Đại nguyện nhiếp các phàm
Nghe danh Phật thọ trì
Quyết định sanh, chẳng làm
(Quyết định được vãng sanh không còn làm lẫn chi nữa)
Nếu có kẻ đại lực
Chuyên niệm thường nhất tâm
Thành tựu tam muội sâu
Hiện tiền cũng thấy Phật
Nay ta theo đúng như
Lời đức Phật đã dạy
Sẽ khai hóa chỉ dạy
Nghĩ các người mê đảo (si mê, điên đảo)
Chỉ đích xác con đường
Hầu tu hành chơn chánh
Đây chẳng phải là duyên
Hèn kém, nhỏ nhoi đâu!
Phải nghĩ tưởng khó gặp
Đường Tây phương vạn ức
Một niệm tin liền được

Bồ Tát nói kệ xong, bảo các đệ tử đọc to một lượt, lại bảo: “Các ông từ trước đến nay tu học huyền thuật, tâm yếu kém, tu hành tà vạy. Do túc duyên ta nghĩ rất thương các ông nên đến đây dạy bảo. Nay trước hết ta chỉ ra Tây

phương Tịnh Độ là một môn chánh hướng, chánh tu. Sợ các ông còn lo ngại chưa thể sanh lòng tin cùng cực nên tiếp đây, ta sẽ nói danh hiệu của mình cùng pháp chính mình đã chứng để mọi người biết kẻ nói pháp này là một vị đại Bồ Tát.

Này các thiện nam tử! Trong lúc tu nhân xưa kia, ta dùng diệu tràm giác tâm thấy rõ: trong hết thảy tất cả các cõi nước, các chúng sanh đều cùng có đủ [cái tâm ấy] nên liền giác ngộ trọn vẹn Diệu Giác, giác ngộ rõ ràng diệu tâm, khởi ra vô lượng diệu hạnh độ các chúng sanh. Bởi thế, A Di Đà Phật ban cho ta danh hiệu Giác Minh Diệu Hạnh. Từ nay các ông nên quy y, đừng ngại vực chi nữa”.

Khi ấy tám người trong hội cùng chấp tay, chí tâm niệm Nam Mô Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát, đứng lên lễ kính. Bồ Tát bảo: “Lành thay! Đúng như vậy đó!”

* Có người hỏi về cách trì tụng kinh chú, Bồ Tát dạy: “Trì kinh chú nghĩa là tự trì cái tâm của mình. Cốt yếu là phải hiểu rõ thẳng vào tâm địa. Nếu chỉ nghĩ cứ trì cho thuần thực, tụng cho nhiều, lại niệm kinh này, chú nọ, vị Phật kia rồi bảo là mình có công đức lớn, nhưng chẳng thể câu nào cũng quy trọn về tự tánh, cũng chẳng hiểu sâu xa nổi chơn lý mầu nhiệm của Như Lai mà bảo là có thể nhờ đó chứng quả thì các ông có thấy chẳng: Nơi ngã tư đường, hoặc là kẻ không mắt, kẻ không chân, hoặc ăn mày nam, hoặc ăn mày nữ suốt ngày miệng ra rả niệm đến tận đêm. Tính số câu niệm Phật họ niệm suốt năm kể ra cũng phải hơn mấy mươi vạn biến. Rồi cuộc vẫn là kẻ tàn tật, kẻ ăn mày, chưa hề chứng được mảy may quả vị nào cả. Vì sao vậy? Chỉ vì họ chẳng hiểu biết, thiếu hạnh mà thôi. Cho nên các ông phải biết là: trì kinh nào thì phải nên nương theo kinh đó mà tu hành. Lại phải phát đại nguyện: hoặc cầu sanh về cõi Phật, hoặc cầu sáng tỏ tâm địa, hoặc phát sanh đại trí huệ, hoặc lợi lạc khắp các chúng sanh. Đều nhờ vào sức thần thông to lớn, sâu xa của đức Như Lai để thành tựu sở nguyện của hành nhân. Có thể mới đúng là trì kinh, trì chú, niệm Phật!”

* Vị sư già Thiên Nhiên vì bệnh lâu chẳng lành, tính vào Kính Sơn chờ chết, đem xương gởi vào tháp Phổ Đồng. Bồ Tát dạy: “Ông muốn ở trong núi chờ chết thì thật là đang vô sự lại bới việc ra. Ông lo không có chỗ để an bài mấy khúc xương già ư? Ông không biết là một khi mắt đã nhắm lại rồi, hai chân đã duỗi xuôi thì mặc tình kẻ khác dao bằm, búa chặt, lửa đốt, nước trôi cũng chẳng ăn nhằm chi đến ông hết. Ông lại toan bày kế lâu dài cho kẻ khác thì thật là ngu si quá đỗi! Vả lại, cái thân này lúc sống còn đã là vô ích huống hồ là sau khi chết đi. Nay ông nên bỏ bớt các sự, chỉ trì mỗi một câu A Di Đà Phật, niệm niệm chẳng buông thì Phật Di Đà trở thành bạn tốt của ông. Lúc đại hạn xảy đến, ngài sẽ hiện thân tiếp dẫn, được sanh về Cực Lạc, chẳng tốt hơn vào núi đợi chết hay sao? Hơn nữa, sanh lão bệnh tử là những nỗi khổ thế gian khó lòng tránh khỏi. Ông mắc bệnh đã lâu thì cũng chẳng quan tâm là

bình lành hay không lành, cứ nhất tâm niệm Phật. Sống cũng được mà chết cũng được là xong!”

* Ông Tăng Bất Nhị tính theo thầy thọ giới. Bồ Tát dạy: “Tiếc thay, tiếc thay! Tướng mạo đường đường, oai nghi bệ vệ, chẳng biết tự quy. Xét việc ông làm khác chi kẻ tục! Ta thấy ông thân ở chốn này mà hồn đã dạo nơi địa ngục. Phải nên gấp rút tu tỉnh, đoạn ác làm lành, thượng cầu Phật quả, hạ hóa quần sanh. Chẳng nên hôn hôn muội muội, để lỡ tác bóng hữu hạn, tự vướng phải phiền lụy muôn kiếp. Còn như việc thọ giới, chẳng thọ thì thôi; chứ nếu đã thọ thì chẳng được hủy phạm dấu bằng tơ tóc. Phải giữ gìn giới luật thanh tịnh như bạch bích, minh châu, trọn không chút tì vết. Có như vậy mới thành được giới phẩm. Giới chính là căn bản để tam thế chư Phật nhập đạo, đừng coi như trò đùa. Lại phải tĩnh tu hoặc cầu học các phương và thân cận bạn lành, xa lìa những kẻ thô thấp, hèn kém. Thân bạn lành thì đạo nghiệp dễ hành, gần bạn ác thì giới hạnh dễ mất. Hai câu ấy chính là yếu quyết để học đạo của cả một đời, nên nhớ kỹ lấy!”

*Anh em ông Mã Vĩnh Tích đời trước làm thợ săn. Một buổi nọ vào núi cùng giết chết một con nai nên bị quả báo đoản mạng. Nhưng hễ họ thấy tượng Phật trong tháp bị đổ xuống đất liền nâng lên, kê cho chắc chắn, lễ bái xong mới đi. Do bởi nhân lành đó, họ lại được thọ thân người. Trước hết, Bồ Tát vì ông Vĩnh Tích khai thị việc ấy xong, Vĩnh Tích hoảng sợ, cầu phương cách sống lâu.

Bồ Tát bảo: “Xưa kia nơi chùa Diệu Giác ở phương Bắc có một chú bé Sa Di, tuổi mới mười sáu. Có một thầy tướng nói về lẽ sống chết của con người không sai một mảy, bảo chú Sa Di rằng: ‘Giữa Thu năm mười tám tuổi, chú sẽ chết!’. Chú Sa Di sợ quá, ban đêm cầu đảo đức Phật, nguyện Phật ban cho một quyển kinh nào đó trong Đại Tạng để chú trọn đời thọ trì hầu cầu trường thọ. Bạch xong, buồn khóc khôn ngăn được nổi, lại lễ Phật lui ra. Vào trong [gian phòng chứa] Đại Tạng kinh, tiện tay lấy được quyển Kim Cang Bát Nhã, chú bèn chép lấy để thọ trì ngày đêm chẳng biếng nhác. Chú còn trì giới tinh nghiêm, liễu ngộ huyền lý. Đến năm bốn mươi tuổi, đạo phong của sự lưu truyền rộng khắp, tứ chúng quy ngưỡng. Sau đến năm tám mươi tuổi, sự mới tọa hóa (ngồi mà viên tịch). Đây chính là Vi Hạnh thiền sư ở Lạc Dương. Chuyện xảy ra vào niên hiệu Khai Nguyên thứ sáu đời Đường Huyền Tông⁽¹⁾, ta đích thân thấy.

Nay ông sợ đoản mạng, muốn cầu sống lâu thì nên bắt chước chú Sa Di đó, tìm bản kinh Kim Cang chép đầy đủ nhất rồi phát tâm biên chép, siêng tu tập đọc tụng, lại cầu hiểu được ý nghĩa kinh. Đây chính là nội công đức. Kể từ ngày hôm nay chẳng được sát hại sanh mạng loài vật, phải thương yêu chúng như chính thân mình. Lại phải tích chứa nhiều âm đức, đó là ngoại công đức. Tu cả trong lẫn ngoài thì công đức rất lớn. Tự mình hợp với lẽ trời, lý yếu thọ chẳng hai đã lập như thế thì lo gì tuổi thọ chẳng lâu dài? Nhưng từ

đầu đến cuối phải cẩn thận gìn giữ như thể khác nào chú Sa Di kia mãi đến năm tám mươi tuổi chẳng hề biếng trễ thì mới hợp đạo. Chớ nên có đầu không đuôi, hoặc hành mười ngày, nửa tháng, một năm, hai năm rồi buông tay bỏ lửng. Nếu thật có thể trọn đời tuấn phụng, trước sau chẳng gián đoạn mà ông chẳng được toại nguyện sở cầu thì chư Phật cùng ta đều mắc tội vọng ngữ”.

* Bồ Tát dạy ông Trần Định Chuyên như sau: “Cha con ông phụng hành lời ta dạy, thật là hiếm có. Nhưng các ông phải bền chí lâu dài, chẳng được sanh ý niệm mong cầu cảm ứng. Đối với hai chữ Tu Hành phải giữ đúng như việc mặc áo, ăn cơm hằng ngày mới được”.

* Bồ Tát dạy mẹ ông Tra Định Hoàng: “Bà trước kia có tâm niệm hướng về Đạo, nhưng chưa gặp được người chơn chánh, thật là đáng thương. Nay ta sẽ vì bà phân biệt khai thị. Đời xưa kia bà làm tỳ kheo, tận lực tu hành tinh tấn, ngày đêm chẳng biếng nhác vì tâm chí mãnh liệt. Trong lúc tịnh định, bà chợt khởi lên ý nghĩ: ‘Tại sao mình chẳng được mau thành Phật?’ Lại một ngày kia, nghe nói chư Phật vô tướng, tâm này chính là Phật, sự càng thêm suy nghĩ bậy bạ, cho là: các pháp không tịch, tâm ta là Phật thì cần gì tu tập nữa! Sự chẳng biết câu ấy nói về lý Không rốt ráo, chớ chẳng phải lời để kẻ mới nhập pháp giới dễ dàng nói được. Ông Tỳ Kheo từ đấy đọa vào tà kiến, chẳng siêng năng tu tập nữa, tự bảo mình đã chứng đại đạo cho nên mê càng thêm mê, trầm luân trong đêm dài. Thương thay chúng sanh, cầu đạo chẳng gặp được thiện tri thức chơn chánh, chưa thoát được lưới rập, không thể không thận trọng! Nay bà nên biết: Do vì xưa kia tà kiến nên chịu báo ngũ lậu, đánh mất chánh tri kiến, lại gặp tà sư, vướng phải nọc độc, há chẳng nên sanh lòng khiếp sợ ư? Nay bà phải mau phát chánh tín, chí tâm ước niệm Nam Mô A Di Đà Phật, cầu sanh cõi nước Cực Lạc”.

* Ông Vô Hủ vì một người bạn hỏi: “Thọ được bao lâu?” Bồ Tát dùng kệ đáp:

Mạng người như sương sớm,
Hư phù không định kỳ
Nếu chưa thoát mộng huyễn
Mong biết trước làm chi?

Ngài lại dạy: “Đừng hỏi kỳ hạn cho ông ta làm chi, đến ngày ba mươi tháng Chạp sẽ phải bận rít chân tay cả lên” (người bạn ấy quả nhiên bị bệnh mất vào ngày ba mươi tháng Chạp năm sau). Ông Vô Hủ nghe dạy, lại xin Bồ Tát khai thị. Bồ Tát nói: “Ông Nguyên Bá nên biết: Học đạo mà chẳng minh được cái tâm này thì giống như xây nhà không có nền, qua sông không bè. Muốn minh tâm nên vi tế quán sát đến tột cùng xem cái thân, cái tâm này tự đâu mà có? Thân đã là tứ đại hư huyễn thì tâm biết gửi vào đâu? Thân tâm đã là huyễn thì thế giới và vi trần trọn chẳng sai biệt. Muôn pháp trước

mắt sanh ra từ đâu, diệt đi về đâu? Nếu không sanh diệt thì cả hai thứ năng chiếu, sở chiếu đều không có chỗ để nương vào, tự thấy Chơn Như Tịch Diệt khắp chốn”.

* Cú Khúc Khổng Sanh trì trai suốt hai mươi năm, tự nghĩ mình già yếu, bần khoản sau khi chết sẽ ra sao nên buồn khóc không dứt. Bồ Tát dạy: “Đừng có buồn khóc. Chỉ cần tin sâu, tuân hành theo đúng lời ta, tự sẽ có chỗ tốt lành để an thân”. Nói xong, Bồ Tát dạy bài kệ rằng:

Tây phương có Tịnh Độ
Nhân thiên đều nương về
Ông tu pháp môn này
An ổn chẳng kinh nghi.

* Trầm Văn Châu là thầy trị thương hàn (*) nổi tiếng chợt đến làm lễ. Bồ Tát hỏi: “Nếu hàn khí xâm nhập tâm bào thì gọi là bệnh gì?” Ông Trầm đáp: “Gọi là trúng hàn”. Nhân đó, Bồ Tát dạy đại chúng: “Các ông chỉ biết hễ hàn khí xâm nhập tâm bào thì gọi là trúng hàn, [chứ chẳng biết] nếu tà xâm nhập tâm thì gọi là bệnh tổn mạng. Các vị chỉ nghĩ thân bệnh mới là bệnh, lo điều trị; còn cái tâm mắc bệnh nặng thì chẳng cần tìm thầy thuốc giỏi, chẳng cầu diệu dược, mặc lòng chịu khổ chẳng hay biết chi. Đáng buồn thay!”

* Vâng lời Bồ Tát dạy, ông Trần Đại Tâm niệm Phật cực kỳ chí thành. Bồ Tát dạy cho bài kệ sau:

Trong ao bát đức đã trồng sen
Quả nhiên nhất niệm thật thâm huyền
Vun bồi tụy cậ Như Lai lực
Nở lớn toàn nhờ quyết định tâm.
(Bát đức trì trung liên dĩ chủng,
Quả nhiên nhất niệm thật thâm huyền
Tư bồi tụy tạ Như Lai lực
Trường dưỡng toàn bằng quyết định tâm)

Ngài lại dạy đại chúng: “Cõi này có kẻ phát nguyện vãng sanh thì cõi An Lạc liền sanh một đóa sen nên ta mới nói như vậy. Các ông phải nên sanh lòng tin sâu xa”.

* Ông Tôn Trung Bạch ưa thuật luyện linh đan, lâu ngày chẳng có công hiệu gì. Nhân đó, đến pháp hội lễ bái Bồ Tát. Ngài quở: “Hôm nay ông già hói đầu mới chịu mất mặt đến gặp ta đó ư? Ta hỏi ông: kim đan khi nào luyện mới thành?” Ông thưa: “Vẫn còn đang cầu luyện được thành”. Bồ Tát bảo: “Nếu luyện thành thì ngàn vạn viên kim đan nhớ lưu lại mấy viên đừng có nuốt hết vô bụng, đợi đến khi ông gặp mặt lão già Diêm La hãy khéo đem tặng mấy người thuộc hạ của ông! Nay ông lão si ngốc! Chuyện đó chẳng phải là phận sự của ông, chi bằng ông hãy lo bổn phận của mình đi!”

Ông Tôn bái tạ. Lát sau, Bồ Tát lại bảo: “Này ông già si ngốc! Ông có biết được bốn phận của mình rồi chưa?” Ông Tôn đáp: “Cầu tự tánh chính là bốn phận của con”. Bồ Tát dạy: “Ông biết tự tánh đó là lớn hay nhỏ, là xanh hay vàng?” Đáp: “Tự tánh không có những tướng như thế”. Bồ Tát dạy: “Nếu vậy thì ông muốn hướng đến chỗ nào để cầu thấy được?” Ông Tôn nín lặng, rồi sanh lòng tin, quy y, nguyện làm đệ tử, cầu Bồ Tát ban cho pháp danh. Bồ Tát lại dạy bài kệ sau:

Tánh không tướng lớn, nhỏ, xanh, vàng,

Nào có thanh, danh để ông gọi

Chẳng đặt chỗ huyền diệu trong ấy

Một câu, nửa chữ cũng sai ngoa.

Ta nay miễn cưỡng đặt tên cho ông là Đạt Bản. Từ nay quang âm ⁽²⁾ của ông chỉ còn bảy, tám năm là nhiều, đừng bỏ lỡ công tu hành khổ hạnh suốt sáu năm trong tám trăm năm trước kia”.

Nhân đây, ông Tôn hỏi kết cục của thân mình sẽ ra sao. Bồ Tát đáp: ‘Kết cục là kết cục, lại còn hỏi kết cục là như thế nào nữa ư?’ Ông Tôn bèn hỏi nên tu trì như thế nào? Bồ Tát dạy: “Một pháp môn Tịnh Độ có thể nhiếp hóa rộng khắp các phẩm. Ông đã hỏi cách tu trì thì nên niệm A Di Đà Phật, phát nguyện vãng sanh. Hễ đạt được một điều thì trăm việc đều xong, ông còn phải lo chi nữa”.

* Bồ Tát lại dạy mọi người như sau: “Từ cổ, giáo pháp của các bậc đại thánh, đại hiền lúc mới được thành lập đều thật tinh yếu, thật giản dị. Bậc thượng căn nghe đến liền giác ngộ, kẻ trung căn, hạ căn nghe rồi đều tu tập, đều quy về đại đạo. Đời sau trước thuật, bày ra lời lẽ rườm rà, lý thuyết phức tạp khiến kẻ phàm phu chấp chặt thành kiến chấp, đến nỗi càng dạy càng sai, tin sâu những điều tà quái, làm lạc cả đời, trọn chẳng tự giác. Như ông Đạt Bản vì đọc các sách nói dạy về cách tu tiên, chẳng biết pháp yếu nên tin tưởng tà vạy vào những điều ngoa truyền, tự cho là mình chứng đắc, chấp chặt không buông bỏ nổi, bạc đầu vẫn chẳng thành tựu, sanh ra lắm nỗi phiền não. Bồ Tát thấy ông ta thật là đáng thương quá. Vì thế các ông phải biết lỗi xưa, nên tôn sùng chánh tín”.

* Một khi nọ, lúc Bồ Tát sắp giảng lâm pháp hội, cả tám người đệ tử: Vô Hủ, Thường Nhiếp, Thường Nguyên, Định Mậu, Đạt Bản, Tra Định Hoàng, Trần Định Chuyên, Tra Định Mẫn cung kính, nghiêm trang chờ đợi, cùng xướng Phật hiệu, chợt nghe mùi hương lạ từ trên không trung lan tới. Mọi người đều hoan hỷ, cho là chưa từng có. Bồ Tát nói:

- Lành thay! Lành thay! Các ông có biết là chúng ta họp mặt ngày nay là do túc nhân hay chăng? Xưa kia, vào năm Thiên Giám thứ sáu đời Lương Võ Đế (năm 507), ta xuất gia ở chùa Tịnh Nhân thuộc Đông Quận của nước Bắc Ngụy làm một vị đại tỳ kheo. Nhân tránh loạn nên đi xuống miền Nam, trụ tích ⁽³⁾ dưới chân núi Kê Minh. Lúc ấy, tám người theo ta tu học. Chẳng lâu sau,

do nạn binh đao nên lạc mất nhau. Hai năm sau đó, ta thị tịch tại chùa Thiên Trúc ở Vũ Lâm. Sau đấy, dưới triều vua Đường Hy Tông⁽⁴⁾ ta lại làm con cả của Hiến Vương ở Thanh Hà, cũng bỏ quan vị xuất gia. Hiện tại, tám người các ông cùng tụ hội niệm Phật cũng do chính ta khai phát đạo tâm, thật giống hệt như xưa chẳng khác. Nhưng kể từ khi các ông xa cách ta đến nay suốt hơn tám trăm năm, vẫn cứ nổi trôi chưa biết hỏi đầu, thật là đáng thương, thật là đau đớn! Nay ta vì các ông chỉ rõ lại các hạnh nghiệp đã tu cho mau được thành tựu, sớm được giải thoát, ai nấy phải lắng nghe kỹ”.

* Bồ Tát dạy ông Vô Hủ: “Từ trước đến nay, tuy ông học theo huyền môn nhưng vẫn cung kính chư Phật. Nên biết rằng đấy là do túc nhân. Giờ đây ông phải nên mau phát thâm tâm, siêng tu Tịnh nghiệp làm người hướng dẫn những người khác, chẳng để lỡ uổng thời gian mười ba năm này. Ta truyền cho ông bài kệ sau đây:

Tám trăm năm trước sẵn tiền duyên
Ngày nay gặp gỡ chỉ thanh thiên,
Đã biết trăng thu nơi bốn tánh
Chớ đến Trường giang nhọc kiếm thuyền”

* Bồ Tát dạy ông Thường Nhiếp: “Ông thường trì Đại Bi thần chú, vậy ông trì như thế nào?” Thường Nhiếp thưa: “Chú được trì rành rẽ phân minh, tâm trì chú trọn bất khả đắc”. Bồ Tát bảo: “Trì được như thế mới gọi là trì chú chơn chánh. Ta có bài kệ phó chúc cho ông:

Ông trì Đại Bi chú
Nên biết đại bi tâm
Ly danh lẫn ly tướng
Dùng đó độ quần sanh”

* Bồ Tát dạy ông Thường Nguyên: “Ông đã xuất gia thì cần phải khiêm nhường, nhu hòa, kính thờ sư trưởng, chẳng nghĩ cầu lợi cho mình, tăng trưởng chí khí, chớ đứng suốt ngày ngồi lẫn trong mây khói”. Ông Nguyên không hiểu.

Bồ Tát lại dạy: “Ông mù mờ như vậy thì có hiểu được cái tâm của chính mình hay không?” Ông Nguyên im lặng. Bồ Tát dạy ông tụng một biến chú Chuẩn Đề, ông Nguyên vâng lời tụng theo. Bồ Tát bảo: “Đấy chẳng phải là cái tâm của ông thì gọi nó là cái gì?” Kệ rằng:

Thấy cái sơ vô tâm
Chính là bản tâm ông
Một biến chú Chuẩn Đề
Toàn thể thầy phân minh

* Bồ Tát dạy ông Định Mậu: “Ông trì chú Chuẩn Đề hằng ngày phải dụng tâm miên mật, vi tế; quán hết thầy cảnh dù ồn hay lặng, dù vật hay chẳng

phải vật, dù ưa hay chán, không thứ chi chẳng phải là hiện thể của chú này, chính là diệu tâm của ta lưu xuất trong mỗi khắc. Phụng trì như thế ắt đắc quả chứng. Ta cũng dùng thần lực giúp ông thành tựu, nên tụng bài kệ của ta:

Đôi dòng bí mật
Tức bốn tâm ông
Chớ bảo diệu pháp
Là pháp thậm thâm.

* Bồ Tát hỏi ông Đạt Bản: “Ông muốn gì?” Đáp: “Con muốn minh tâm”. Bồ Tát bảo: “Nói suông đầu môi chót lưỡi mà được sao? Phải siêng niệm Phật, công ấy gấp mười. Lại dạy cho ông bài kệ như sau:

Ngoài tâm không Phật
Phật là tâm ông.
Tin sâu chẳng ngờ
Nhất niệm vô sanh”.

* Bồ Tát dạy ông Tra Định Hoảng: “Ông trì kinh Kim Cang Bát Nhã nên biết là có bảy lúc chẳng nên trì kinh, tức là: tâm hôn ám thì chẳng nên trì, có lầm lỗi thì chẳng nên trì, vào chỗ bất tịnh vừa xong chẳng nên trì, sau khi uống rượu chẳng nên trì, bị người quấy nhiễu chẳng thanh tịnh thì không trì, có sự sắp phải làm mà mình chưa làm thì không trì, tâm nhớ giữ điều chi khác thì đừng trì. Nếu bèn lòng thọ trì thì phải tránh điều ấy. Tụng đến thuần thục thì liền ngay trong khi quán tâm mà trì. Nếu làm được như vậy thì công đức chẳng thể nghĩ bàn, quả báo chẳng thể nghĩ bàn. Phật nói ra lời thành thật, ông phải nên gìn giữ lấy. Ta dạy ông bài kệ sau đây:

Một kinh Bát Nhã
Công đức vô tận
Nhỏ gốc vọng tưởng
Thoát bịnh sanh tử”

* Bồ Tát dạy ông Trần Định Chuyên: “Kẻ tiểu nhân làm ác chỉ sợ người khác biết; người quân tử làm lành cũng chỉ sợ người khác biết. Ông nên dùng cái tâm dè dặt của người quân tử để làm Phật sự. Ta bèn có bài kệ như sau:

Đừng mong người khác biết
Chớ mong trời cảm ứng
Thường giữ được nhất tâm
Cho kiên cố, chơn chánh”.

* Bồ Tát dạy ông Trần Định Mẫn như sau: “Ông chưa đầy 20 tuổi đã biết quy hướng về đạo, thật là sẵn túc nhân. Nay ta đặt tên cho ông là Mẫn. Chữ Mẫn có bốn nghĩa: thông duệ, siêng gắng, mau nhiệm, và nhanh chóng. Thông duệ để trừ sự tối tăm của ông. Siêng năng là ngăn trừ biếng lười, mau

nhiệm là khai phát trí huệ, nhanh chóng là phát khởi những gì ông bỏ phế. Ông nên nhìn vào cái tên ấy, suy nghĩ ý nghĩa, đừng nghĩ là Bồ Tát chỉ cho ông một cái tên suông mà thôi! Ta lại dạy ông bài kệ sau:

Ông tuổi còn nhỏ
Nên học hiểu để
Để mà giữ thân
Đừng đánh mất chí”.

* Ngày hôm ấy, ông Trần Đại Tâm đến sau mọi người, Bồ Tát hỏi: “Ông tu trì thế nào?” Ông đáp: “Con chỉ tu Tịnh Độ”. Bồ Tát bảo: “Ngoài pháp này ra, còn có pháp nào hơn được nổi đâu? Ta ban cho ông một bài kệ:

Đạo không nói gì khác,
Chỉ là tâm mà thôi
Thai sen vừa mới thành
Chuyên ròng, đừng nhị tâm”.

* Bồ Tát nói: “Một môn Tịnh Độ ta dạy đó thật sự là tâm tông của chư Phật, là đường tắt của trời người. Nay các ông tuy cầu vãng sanh nhưng phát nguyện chưa thiết tha, như người vào trong biển cả chẳng nhặt lấy bảo châu thì chỉ nhọc nhằn vô ích thôi! Xưa kia vào thời Tấn Minh Đế (323-326), ta mang thân nghèo hèn. Vì bần khổ nên phát đại nguyện rằng: ‘Tôi do túc nghiệp chịu lấy khổ báo này. Nếu ngày hôm nay tôi chẳng được thấy đức A Di Đà Phật, sanh về cõi Cực Lạc, thành tựu hết thấy công đức thì dầu cho táng thân trọn chẳng lui nghĩ’. Thề xong, trong bảy ngày bảy đêm, chuyên tinh ức niệm, tâm liền được khai ngộ, thấy A Di Đà Phật: tướng hảo quang minh khắp cả mười phương thế giới. Ở ngay trước Phật, ta đích thân được thọ ký. Sau đấy, đến năm bảy mươi lăm tuổi ngồi tịch.

Đã sanh về cõi Cực Lạc rồi, sau vì ý nguyện độ sanh sâu nặng nên lại sanh vào thế giới này, tùy theo từng nơi mà hiển hóa: hoặc làm tỳ kheo, hoặc làm cư sĩ, hoặc làm quốc vương, hoặc làm quan lại, hoặc mang thân nữ, hoặc làm kẻ đồ tể, ăn mày, dù ẩn hay hiển, dù thuận hay nghịch, đều tùy thuận thuyết pháp, dẫn dắt các phẩm loại. Lại vì đa số chư tiên chẳng ngộ chơn thường, ham thuốc trường sanh, chẳng mong tấn tu, ta bèn hiện thân tiên cứu họ khỏi đọa đường mê như chuyện đời vua Đường Hy Tông. Nay ta lại vì các ông phân biệt rõ tà chánh, xiển dương Tịnh Độ. Các ông phải nên nhất ý nhất tâm, tu trì bền chặt pháp môn này, chẳng làm lạc nữa. Nếu tâm chí chuyên nhất bền chặt thì chẳng cần phải đợi chết đi mới vãng sanh mà ngay hiện tiền cũng được thấy Phật giống như ta khi xưa chẳng khác. Ta có bốn câu kệ như sau:

Nói ít một câu chuyện
Niệm nhiều một câu Phật
Đánh chết được vọng niệm
Pháp thân người hiển lộ”

* Hoặc có kẻ hỏi: “Kẻ học nhân làm thế nào để lìa được trần dục, được vô chướng ngại?”

Bồ Tát dạy: - Ta sẽ do cái nhỏ mà suy ra cái lớn, từ cái bên ngoài suy ra cái bên trong. Các ông nên khéo hiểu nghĩa ấy. Có kẻ làm như thế này: Vô có đoạt mất của ông một tiền thì các ông có nổi nóng hay không?

Đáp: - Tuy một tiền là nhỏ nhưng thấy có kẻ đoạt mất thì sân.

- Lại có kẻ vô có cho các ông một tiền, có sanh lòng vui sướng chẳng?

- Dẫu một tiền là nhỏ, nhưng thấy có người cho ắt mừng.

Có người đáp: “Một tiền rất ít nên được cho cũng chẳng đáng vui, bị đoạt mất cũng chẳng đáng giận!”

Bồ Tát bảo: “Ông biết được như thế thì tâm phải thanh tịnh từ lâu, sao mãi đến giờ đây vẫn còn chìm đắm trong trược cấu? Các ông phải biết đó là vì học nhân chẳng cần mật tẩy trừ cái tâm nên thấy có, thấy không, chỗ nào cũng dính mắc hết, niệm nào cũng tham. Do vì nghiệp thức rộn ràng không thể tạm đình chỉ cho nên dẫu niệm một câu A Di Đà Phật, tâm tưởng vẫn rong ruổi theo cảnh ngoài như cũ, chưa thể trong khoảnh khắc quy về một chỗ được. Ấy là do các ông trong vô lượng kiếp chưa hề phát khởi cái tâm xa lìa trần dục dẫu trong một lúc hay trong một ngày. Bởi thế, từ vô thủy kiếp đến nay, trần dục chưa hề chịu lìa khỏi tâm các ông trong một lúc hay trong một ngày. Thân trói buộc, tâm vẫn vít, thâm nhập lưới trần, nào có được như hoa sen tuy mọc lên từ bùn nhơ nhưng chẳng bị nhiễm bần! Vì vậy, muốn đoạn tham chấp thì trước hết đối với chuyện người khác đoạt mất hay ban cho một tiền phải quán sát buông bỏ, phải coi đó chẳng phải là chuyện của mình, bị đoạt mất không sân, được cho cũng chẳng vui. Như thế cho đến trăm ngàn vạn tiền, cho đến ức ức vạn tiền, cho tới quốc thành, thê tử, cho đến thân nhục cốt tủy, cho đến tâm ý, ý thức quá khứ hiện tại vị lai, thậm chí sanh tử nghiệp báo, Bồ Đề, Niết Bàn, hết thảy đều coi giống như chuyện được cho hay bị đoạt mất một tiền chẳng khác gì thì tự nhiên tập khí, hữu lậu tiêu mất, chướng duyên vĩnh viễn diệt mất, dần dần được thanh tịnh, thành tựu đạo phẩm. Các ông nên y theo đó mà tu hành, đừng đắn đo đến nỗi bị vướng vấp, trở ngại”.

* Ngày mùng Hai đầu mùa Đông là ngày đản sanh của Bồ Tát, mọi người bày lễ chúc thọ. Bồ Tát hỏi: “Các ông lấy vật gì mừng thọ ta?” Ai nấy đều thưa: “Dùng tâm cúng”. Bồ Tát hỏi: “Tâm là vật gì mà đem cúng được?” Đáp: “Chỉ một tấm lòng chí thành, vốn không có vật gì!” Bồ Tát bảo: “Đã bảo là không vật thì ai biết là chí thành? Nếu biết là chí thành thì ắt phải có xứ sở. Đã nêu bày được sao còn nói là chẳng có vật gì?” Đáp: “Thật chẳng thể được”. Bồ Tát nói: “Các ông nói là chẳng được thì đó là tạm không có hay là quyết định không có?” Mọi người suy nghĩ chưa đáp nổi thì Bồ Tát nói: “Nếu không thì quyết định là không, hễ có thì quyết định là có. Nghi ngờ chút xíu sai cách muôn trùng. Phải biết là các ông nói là chơn thành hay hư vọng, bảo

có, nói không đều là tâm khởi diệt, suy tính, cân nhắc, so đo. Dem cái tâm ấy chúc thọ ta thì đều vô ích cả. Hãy nghe diệu kệ của ta:

Chí chơn vô nhị tâm
Chí chơn vô lượng tâm
Tâm chẳng phải hết thảy tâm
Hết thảy tánh chẳng phải tâm
Trừ vọng tâm chẳng thật,
Nương chơn tâm cưỡng gọi
Chơn lẫn vọng chẳng lập
Nam mô Phật Thích Ca
Hiểu tâm không xứ sở
Phương tiện phước quần sanh”

* Khi ấy, các đệ tử lại đều làm lễ, xin được nghe pháp yếu. Bồ Tát bảo:

- Lành thay! Lành thay! Các ông lại mong được nghe pháp yếu, chí thành tin hiểu lời ta dạy, hãy khéo đáp câu hỏi của ta: Ví như có kẻ bảo người khác là Yên Kinh (Bắc Kinh) là kinh đô của đế vương, phú quý khôn sánh. Người ấy nghe nói có mong đến được nơi đó hay không?

Mọi người cùng đáp: - Dạ có.

Bồ Tát bảo: - Ông chẳng biết đường đi thì làm sao đây?

Mọi người cùng đáp: - Đã có người chỉ vẽ thì cứ theo lời chỉ ấy mà đi.

Bồ Tát nói: - Chẳng được! Nếu kẻ đó chỉ đi về phương Nam hay phương Đông mà các ông chẳng rành, cứ theo lời chỉ mà đi thì càng lúc càng xa Yên Kinh hơn nữa.

Mọi người hỏi: - Nếu vậy thì nên làm như thế nào?

Bồ Tát dạy: - Rốt cuộc, có người đã từng đến Yên Kinh, dạy người ấy như sau: “Người phải đi theo hướng Bắc thì mới thẳng đến đế đô được”. Nay các đệ tử! Lời dạy của người đó có sai lầm hay chẳng?

Ai nấy cúi lạy đáp: - Chẳng sai!

Bồ Tát bảo: - Lại ví như có người muốn lên được dãy núi cao cả vạn nhận⁽⁵⁾ lên đỉnh núi chín tầng thì nên dạy kẻ đó như thế nào?

- Phải từ thấp lên cao.

Bồ Tát dạy: - Đúng thế. Cổ nhân bảo: “Đi ngàn dặm bắt đầu từ lúc đặt bàn chân xuống”. Cần phải từ nấc thứ nhất tiến lên nấc thứ hai, cho đến nấc cao nhất thì mới là nói đúng. Nếu bảo chỉ cần một bước lên ngay được chỗ cao nhất thì là nói khoác. Lại ví như có người được vua phong cho làm quan, vua hỏi kẻ ấy: “Người muốn làm tể tướng hay làm chức quan nhỏ?” Người ấy sẽ trả lời như thế nào?

Mọi người đáp: - Chắc chắn là muốn làm tể tướng.

Bồ Tát bảo: - Đúng vậy! Lại ví như có người ở nơi đường rẽ chẳng biết theo đường nào. Có kẻ thương hại đến bảo: “Phía bên này thật hiểm trở, thật ngoắt ngoéo, chẳng tiện ra khỏi được, Còn phía bên này thật thẳng, thật

rộng, thật bằng phẳng, đi theo đường ấy sẽ được thoát ra khỏi”. Người ấy nghe chỉ, đối với hai con đường ấy sẽ đi theo đường nào?

Mọi người đáp: - Đi theo đường con đường ngay thẳng, to lớn, đi con đường bằng phẳng.

Bồ Tát bảo: - Hay thay! Hay thay! Những câu các ông đáp lời ta hỏi đều hợp chánh lý, nhưng các ông có hiểu rõ các thí dụ ta vừa nói đó chẳng?

Mọi người lại làm lễ thưa: - Kính xin Bồ Tát khai thị.

Bồ Tát nói: - Hãy nghe kỹ! Từ trước đến nay các ông tuy có tâm cầu đạo nhưng chẳng biết bí quyết tu hành, không biết hướng theo lối nào, giống như người muốn tới Yên Kinh nhưng chẳng biết đường nào là đúng. Nếu gặp phải tà sư dạy cho tà pháp thì giống như đế đô ở phía Bắc lại bảo là hướng về phía Đông, phía Nam mới đúng. Do vậy, kẻ ấy trọn ngày tu hành nhưng vẫn bơ vơ không chỗ nương náu, làm sao thân cận đáng Chí Tôn, làm sao thành đại đạo được! Nay ta bảo các ông cõi Tịnh Độ Di Đà chính là đế đô. Ba thứ Tín, Hạnh, Nguyện càng thêm siêng tinh tấn, rốt cuộc sẽ vắng sanh. Đó là từ nấc thứ nhất tiến dần tới nấc tối thượng, mong lên được thượng phẩm. Nguyện như vậy thì làm tể tướng, chẳng nguyện như thế thì làm quan nhỏ. Tu hành theo đúng như thế là đi theo con đường to lớn, ngay ngắn, chẳng đi theo con đường cong queo vậy. Ta chính là người đã từng đến Yên kinh. Nếu các ông chẳng tin tưởng sâu xa vào ta thì chính là bỏ đế đô hướng đến biên địa, bỏ ngôi vị tể tướng cao quý để cầu lấy chức quan nhỏ kém hèn; bỏ con đường to ngay, cầu con đường hiểm trở, rắc rối. Đảnh núi cao ngàn nhận, đánh tháp chín tầng chẳng phải là chỗ các ông đạt đến được, thật đau xót lắm thay!”

* Đại chúng tính tựu ruộng để giúp cho việc tu hành. Bồ Tát bảo: “Các ông muốn khuyến khích những người đồng học tụ tập lâu dài chẳng tan rã; muốn tạ tuyệt việc đời, tính kế chẳng phải cầu cơm áo từ nơi người khác nữa nên mới bàn như vậy. Nhưng ta xem ra: ý niệm ban đầu tuy tốt, nhưng xét rốt ráo lại chính là trần lao tham luyến, chẳng phải là pháp thanh tịnh. Vì sao vậy? Một chén cơm bên đường, tối ngủ nơi gò mả chính là khuôn phép hành đạo của đức Phật khi trước. Nếu nhất định cần phải nhờ vào ruộng mới tu hành được thì giả như việc ấy không thành bọn các ông sẽ trọn chẳng có một ngày nào tu hành ư! Các ông lại bảo tự mình chẳng có vốn sẽ ra sức tự mộ hóa (khuyến người khác đóng góp), như vậy lại càng không được! Trong một đời giáo pháp của Phật chẳng có hai chữ ấy (tức là hai chữ “mộ hóa”). Đây là hành vi của kẻ trong đời mạt, chẳng biết lẽ nghĩa, chẳng sợ nhân quả, chẳng biết liêm sỉ. Người tu đạo chơn chánh thiết tha lo việc sanh tử, dứt khoát chẳng nghĩ đến chuyện ấy. Ta lại có một lời bảo các ông: Bọn các ông chỉ nên chấp trì chánh niệm, ai nấy nỗ lực thì chính là chẳng tụ tập mà lại tụ tập. Còn nếu thân tâm tán loạn, phóng dật, chẳng thường tu hành thì dẫu có tụ tập mà thật ra là tan tác. Chỉ cần hiểu được ý này, cứ nên tùy phận, tùy thời, chẳng cần phải bận tâm tính trước chi cả!”

* Bồ Tát lại bảo đại chúng: “Các ông lo ngại thân mình bị ràng buộc trong lưới rập thế sự, ý niệm chẳng được thanh tịnh ư? Ta có một pháp: các ông chỉ cần phát nguyện xa lìa, cầu giải thoát, tâm khăng khăng quy hướng thế giới Cực Lạc gặp Phật A Di Đà, buông bỏ cái tâm bon chen danh lợi liền có thể dứt trần lao, bước trên đường giác”.

* Có người hỏi niệm Phật chẳng nhất tâm nổi, nên dùng phương cách gì, Bồ Tát dạy: “Ông chỉ cần dứt ý tưởng lo cầu đắc định, cứ từ từ niệm, cốt sao tiếng hợp với tâm, tâm nương theo tiếng. Niệm lâu ngày, tự được các niệm lặng trong, tâm cảnh tuyệt chiếu, chứng nhập Niệm Phật Tam Muội. Nhưng thường ngày cần phải niệm cho nhiều, từ ngàn niệm đến vạn niệm. Tâm không gián đoạn thì căn khí mới dễ thành thực nhất. Nếu cưỡng ép tâm chuyên nhất thì trọn chẳng chuyên nhất nổi”. Ngay khi ấy, ông Đạt Bản ngồi dưới tòa Bồ Tát chợt niệm lên mấy tiếng. Bồ Tát bảo: “Như thế đó! Như thế đó!”.

* Các đệ tử muốn tạo tượng cúng dường, thỉnh Bồ Tát hiện bày pháp tướng. Bồ Tát đáp: “Các đệ tử muốn tạo tượng cúng dường, sẵn lòng thành từ lâu, đúng lẽ ta phải hiện bày; nhưng các ông trong trần lao, ta trong diệu minh, nay ta có hiển hiện, các ông cũng chẳng thấy được. Hơn nữa, ta tùy cơ cảm hóa, thân tướng bất nhất. Nay chỉ căn cứ vào góc gác khởi tu, các ông có thể vẽ ta dưới hình dạng một vị đại tỳ kheo, mặt như trăng tròn, hình thể khôi ngô, đắp ca sa, ngồi trên hoa sen, tay trái úp trên gối, tay phải trong tư thế thuyết pháp. Giữa hai mày phóng ánh sáng bạch hào, trong quang minh ấy có đức A Di Đà Phật ngồi xếp bằng. Cần phải vẽ tướng hảo trang nghiêm, chẳng được vẽ sơ sài”.

Mọi người nghe xong, liền chấp tay đứng suy tưởng pháp tướng như thế. Bồ Tát bèn nói: “Này các đệ tử! Ai ai cũng có giác minh diệu hạnh, chẳng ở ngay nơi đây, cũng chẳng rời lìa, tìm nó ngay nơi các ông, đừng chấp vào đâu cả. Giác minh diệu hạnh luôn xuất hiện trong mỗi thời. Nay các ông đã minh bạch thì chẳng cần phải tạo tượng cúng dường, nguyện có ngày sẽ được gặp ta”.

* Ông Tra Định Hoàng làm đám ma cho con mình xong, muốn bỏ nhà xuất gia. Bồ Tát dạy: “Ông chớ nghĩ đến điều ấy. Điều ấy ông làm không nổi! Ông chỉ cần chánh tâm để trị tâm, chánh thân để trị thân, dứt việc vô ích, tuyệt giao bạn bè vô ích, quy tâm về Đại Giác, nguyện thoát khỏi đường mê, rút con sóng lớn để thấm nhuần cõi đất khô khan của chính mình, siêng cầu gia bị, diệt các chướng duyên. Ông tính cầu thọ để giữ gìn tấm thân thì nên dốc sức vào chuyện đó, đừng nói nhiều”.

Ông Định Hoàng lại hỏi là ông phụng trì kinh Kim Cang, nhưng câu chữ [trong các bản lưu hành] chẳng giống nhau, nên tuân theo bản nào để khỏi bị

lầm lẫn? Bồ Tát bảo: “Bảy chữ Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật trọn không lầm lẫn”.

* Ông Trầm Thiên Vũ mắc bệnh, bày lễ cầu Bồ Tát chỉ dạy. Bồ Tát bảo: “Ông nay mắc bệnh vẫn còn chưa chết thì nên dứt mọi buộc ràng, an tâm đoan tọa, niệm thân vô thường, niệm thể vô thường. Tất cả vọng duyên buông bỏ xuống hết, từ từ niệm một câu A Di Đà Phật, tự nhiên lục trần chẳng sanh, nhất tâm thanh tịnh thì chẳng những lành được căn bệnh trong đời này mà căn bệnh sanh tử cũng nhờ đó được dứt khỏi. Nay ông bày lễ xin chỉ dạy, chẳng qua chỉ mong ta có phương thuốc thật hay dành cho ông hay sẽ truyền khẩu quyết trị lành bệnh cho ông. Ông nào có biết là Bồ Tát không hề có những pháp hư ngụy như thế, chỉ có đôi lời thành thật này dạy ông mà thôi. Ông nếu tin tưởng làm theo thì đó thật sự là một thang thuốc thượng phẩm, linh đan diệu dược. Ta truyền cho ông bài kệ sau đây:

Bệnh tự mình sanh ra
Cũng do mình chữa dứt
Gìn giữ tâm thanh tịnh
Thường sẽ được an vui
Bền lòng chẳng tham luyến
Sẽ giống Vô Lượng Thọ”

* Bồ Tát dạy ông Đạt Bản: “Ông muốn tỏ thấu rốt ráo cái tâm, thật là có chí, nhưng ông ôm cả một bụng châu sa, chì, thủy hỏa; những chuyện như bồn lai diện mục, chơn không, chơn tịnh... thực chẳng biết gì thì làm sao làm được? Ông nên đem cái mớ đó ném ra ngoài biển Đông mới được. Nếu không thì uổng cả tâm trí, làm lạc công phu. Chẳng bằng đích đích xác xác niệm một câu A Di Đà Phật. Minh tâm cũng bởi đây, vắng sanh Cực Lạc cũng do đây, nhất cử lưỡng tiện, thật là hết sức tiện lợi”.

* Ông Vô Hủ hỏi: “Làm thế nào để báo đáp tổ phụ?” Bồ Tát hỏi: “Thế gian nghĩ thế nào là hiếu bậc nhất?” Thưa: “Cung kính, phụng dưỡng, làm lành, chẳng quên ân đức tổ tiên”. Bồ Tát dạy: “Đấy tuy là hiếu nhưng còn hữu hạn. Chỉ nên phát đại nguyện, tu pháp xuất thế. Nếu như đạo thành quả mãn thì phước chẳng những ảnh hưởng đến chín đời tổ tiên mà kể oán người thân trong bao kiếp cũng nhờ đó được giải thoát. Ông nếu có thể chuyên tu Tịnh Độ thì là đại hiếu vậy”.

* Ông Định Mậu hỏi: “Trì chú như thế nào để minh tâm, thế nào là trì chú rốt ráo?” Bồ Tát dạy: “Tâm chẳng lìa chú, chú chẳng rời tâm; ấy là ý nghĩa của trì chú. Trong tất cả thời ông nên quán sát bản thể của chú và bản thể của tâm ông là một hay là hai? Nếu bảo là hai, làm sao tâm trì được chú, chú hiển lộ được tâm? Nếu bảo là một thì tại sao hễ quên thì không có chú, hễ nhớ lại có chú. Do vậy, biết là chú này cùng tâm lìa các danh tướng, rốt ráo

không tịch. Đó gọi là rốt ráo. Nếu chỉ trì mà chẳng rốt ráo thì chẳng có diệu giải, làm sao hiển phát được đại trí huệ bình đẳng? Đại trí huệ bình đẳng chẳng hiện thì biết nhờ đâu để soi tỏ hôn mê sanh tử, đạt được thật tế của tam giới?”

* Ông Đạt Bản hỏi: “Mỗi lần con niệm Phật ra tiếng là dễ nổi nóng, con có nên thầm niệm hay không?” Bồ Tát nói: “Ông nói niệm Phật một tiếng là nổi nóng. Vậy sao ông suốt ngày trò chuyện cùng người khác chẳng nổi nóng chút nào? Ông nên biết rằng sự nóng giận đó chính là vô minh phiền não của ông từ bao kiếp tích tụ lại. Do ngày nay ông tin chưa chơn thật nên lửa nóng giận theo câu niệm mà sanh, lửa nóng giận theo vọng niệm sanh ra thiêu đốt pháp thân huệ mạng của ông.

Xưa kia, đức Mâu Ni Thế Tôn vì đại pháp trong vô lượng kiếp xả thân cầu đạo nên mới thành đấng Vô Thượng Bảo Vương. Nay ông tuổi tác, sức lực đã suy, sáng tối siêng năng tu hành còn sợ chậm trễ, lẽ đâu vẫn luyến tiếc trần lao, mong cầu linh đan, diệu dược hòng được sống lâu tăng thọ? Ông chẳng nghe cõi trời Phi Phi Tướng còn có lúc báo tận, kiếp hỏa cháy rụi hư hoại đến tận cõi Tam Thiên, huống hồ là khăng khăng bám vào pháp thủy, hỏa, châu sa, thủy ngân giả duyên hòa hợp hòng cầu vĩnh viễn chẳng bị biến diệt ư? Ông nay nghe lời ta nói như người ngủ mơ mới thức dậy, như người say mới tỉnh, phải siêng tu Tịnh Độ, chánh niệm vãng sanh. Trong thế giới ấy, thọ mạng vô cùng vô tận, thành tựu pháp thân, đắc Nhất Thiết Trí, nào có phải giống như là thuật trường sanh thô thiển ta thường thấy, thường bàn luận hằng ngày đâu?”

* Ông Tra Định Hoàng hỏi: “Lúc trì chú, con hay sanh sợ hãi, xin Bồ Tát dạy cho!” Bồ Tát nói: “Ai đến dọa ông? Ai là kẻ sợ hãi? Do tập khí bất tịnh trong đời quá khứ của ông nên từ trong ý tưởng nhỏ nhiệm chợt hiện ra những tướng trạng ấy. Ông chỉ nên tinh thành trì tụng, tự nó sẽ trừ diệt, được việc lành tùy thuận như ý, dẹp được phiền não, tạo nhập huyền vi, còn sợ hãi chi!”

* Ông Trần Định Dục vì mẹ bị bệnh nên đến cầu đảo, hỏi nên làm công đức gì để mẹ được lành hẳn. Bồ Tát dạy cho bài kệ như sau:

Hiếu đứng đầu muôn đức
Quý nhất trong tam tài
Lớn lao thay hiếu hạnh
Là thầy của loài người
Ông vì lòng hiếu hạnh
Cầu mẹ được bệnh lành
Ông đang lúc vui sướng
Nghĩ nhớ mẹ đốn đau
Ông dùng thức ăn ngon

Nhớ mẹ ăn không nổi
Ông mặc áo mịn mềm
Nhớ mẹ thân máu mủ
Dơ bẩn cả áo chăn
Lộ bày cả hông ngực.
Thường nghĩ suy như thế
Sáng tối chẳng hề quên
Quy mạng đức Đại Thánh
Tinh thành chẳng nhị tâm
Tận lực làm việc thiện
Hầu báo đáp tứ ân
Nguyện mẹ được thêm phước
Nguyện mẹ tăng tuổi thọ
Nguyện bệnh mẹ được lành
Nguyện mẹ thân mạnh khỏe
Đức Bồ Tát Giác Minh
Là đáng ông dựa nương
Chỉ làm đúng lời ta
Không nguyện chi chẳng thỏa

* Ông Định Mậu muốn bỏ trì chú để niệm Phật nên thưa hỏi. Bồ Tát dạy: “Ông muốn bỏ trì chú để niệm Phật, nhất chí chuyên tu rất tốt, nhưng ông chưa biết pháp yếu, chỉ đáng gọi là người hiền lành trì trai, chưa đáng gọi là người niệm Phật. Vì sao vậy? Muốn vượt biển cả phải sắm thuyền to. Muốn đi ngàn dặm phải chọn ngựa hay. Bởi vậy, người niệm Phật phải có thủ đoạn lớn: cắt đứt mọi trói buộc, xé toang lưới trần, ngay cái niệm này chính là Phật, ngay đức Phật là tâm (tức niệm thị Phật, tức Phật thị tâm), cho đến lia cả cái tức lẫn cái phi đó, đón nhập Như Lai Đại Quang Minh Tạng. Như vậy mới gọi là chánh niệm niệm Phật, mới đáng gọi là người niệm Phật. Ông phải khéo hiểu nghĩa này”.

* Có bốn vị tăng nhỏ tuổi đến yết kiến Bồ Tát. Ngài dạy: “Các chàng trai trẻ! Chúng sanh từ vô thủy đến nay do ân ái nên thành quyến thuộc. Trong quyến thuộc, cha mẹ có ân nặng nhất đối với con cái, yêu mến thiết tha nhất, khó cắt đứt, khó buông bỏ nổi. Nay các ông xuất gia lìa tục, được làm tỳ kheo thì nên biết là cha mẹ lại có ân càng sâu nặng hơn nữa đối với các ông, chẳng thể dùng lời lẽ nào để ví dụ được nổi.

Vì vậy, các ông phải tận dụng lúc tuổi trẻ, sức mạnh này để siêng tu đạo nghiệp hồng báo đáp tấm lòng cha mẹ đau đớn cắt ân đoạn ái lúc ban đầu thì mới chẳng thẹn cho hai chữ ‘xuất gia’. Nếu lại phóng dật, biếng nhác đến nỗi suốt đời đọa lạc thì là gã bất hiếu nhất trong những kẻ bất hiếu, làm kẻ tội nặng nhất trong vòng trời đất. Phải nên đau đáu nghĩ nhớ lời ta dạy”.

* Bồ Tát lại dạy đại chúng rằng: “Này các đệ tử! Một thân người do cha mẹ sanh ra, cha mẹ nuôi nấng. Đối với mọi việc làm ăn, các thứ thọ dụng hiện tại của các ông đều do cha mẹ chưa từng cho ông được đồng nào, nhưng thân các ông vẫn là do cha mẹ sanh ra nên mới có được như ngày nay! Trong muôn sự, thân là lớn, thân là gốc. Cứ từ gốc mà suy, chẳng phải là ân cha mẹ khó nói hết được hay chăng? Vì thế Phật dạy: ở bên cha mẹ nói lớn tiếng, nói nặng lời còn mắc vô lượng tội, huống hồ là ngày nay có kẻ còn tệ quá hơn thế nữa!

Nếu bảo là chẳng nhịn nổi cha mẹ, không thể không tranh cãi thì xem cha mẹ có khác chi người ngoài đường! Chỉ nên vui vẻ thuận theo, cha mẹ ắt có ngày cảm động, quyết chẳng nên tranh cãi rằng cha mẹ sai, mình đúng, làm kẻ trái trời nghịch người!”

* Bồ Tát nói: “Này các đệ tử! Nên biết rằng mười phương chư Phật là tâm chúng sanh, mười phương chúng sanh là tâm chư Phật. Vì vậy, nhớ Phật, niệm Phật chính là mười phương chư Phật hiện trong tâm các ông, nhưng cũng chẳng phải là mười phương chư Phật vào trong tâm các ông, cũng chẳng phải là tâm các ông rời khỏi chư Phật. Đấy đều là giác diệu bốn minh chẳng thể nghĩ bàn”.

* Bồ Tát nói: “Tâm hành xứ diệt là chơn tâm thường trụ của chư Phật. Tâm hành xứ hữu là nghiệp tâm sanh tử của chúng sanh, chẳng có kẻ hở bằng tơ tóc. Nếu các ông có thể miên mật gia công, khiến cho cái tâm này không chút hở trống thì mới được tương ứng đôi chút. Đừng tu sơ sài nửa năm, mười tháng rồi tự cho là mình đã khổ tâm tu đạo, chẳng biết rằng đấy chính là điều chướng đạo, cần phải dè chừng.

Hơn nữa, dẫu gia công tu tập mạnh mẽ nhưng nếu chưa đạt đến mức như tường đồng, vách sắt, đầy chẳng đổ, dờn chẳng lay thì vẫn chưa tạo thành một phiến [nhất tâm], chớ nên thấy có chút ảnh hưởng đã ngừng tay. Ấy là nửa đường bỏ dở, đến nỗi phí hết công lao khi trước, chẳng lợi ích mảy may. Đây chính là căn bệnh lớn của người học đạo, các ông chẳng nên không biết! Cần phải biết rằng: Phật pháp như biển cả, càng vào bên trong càng thấy sâu, dứt khoát chẳng thể dùng chút tri kiến nhỏ nhoi hòng lãnh hội được hết nổi. Phải tu tập suốt đời, gắng hết sức tu tập, đừng nghĩ là dễ dàng”.

* Bồ Tát nói: “Niệm Phật Tam Muội là từ do đại thế lực nơi tâm ông tạo thành chứ chẳng phải là do cái khác mà có. Nay các ông niệm Phật suốt ngày đêm vẫn chẳng được nhất tâm, loạn tưởng vẫn còn cách trở chơn tâm đều là vì chưa tận lực dụng tâm”.

* Ông Cố Định Thành xin Bồ Tát chỉ dạy, ngài bảo: “Ông đến am này muốn tu Tịnh nghiệp, có biết làm sao để được vắng sanh Cực Lạc không?” Đáp: “Niệm Phật vắng sanh”. Bồ Tát hỏi: “Ông biết niệm Phật thế nào để

được vãng sanh chăng?” Định Thành đáp: “Chấp trì danh hiệu, nhất tâm bất loạn”. Bồ Tát hỏi: “Thế nào là nhất tâm bất loạn?” Định Thành chẳng đáp được.

Bồ Tát dạy: “Ta thấy ông chỉ nói giỏi chứ chưa thể tu hành đúng pháp. Ông nên lắng nghe lời ta nói. Nay thiện nam tử! Tâm vốn vô niệm, hễ niệm thì tưởng sanh. Tưởng ấy hư vọng, lưu chuyển sanh tử. Nay ông nên biết: Một câu A Di Đà Phật đây chẳng từ tưởng sanh, chẳng từ niệm có; chẳng trụ vào trong hay ngoài; chẳng có tướng mạo thì các vọng tưởng chấm dứt. Thân thanh tịnh vi diệu chơn thật của Như Lai chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng thể phân biệt. Niệm như thế thì phiền não trần lao liền chẳng đoạn, chẳng trói, chỉ là nhất tâm. Phải đạt nhất tâm mới gọi là chấp trì danh hiệu, mới gọi là nhất tâm bất loạn, Tịnh nghiệp thành tựu, chứng ngay vào thượng phẩm”.

Ông Định Thành lại làm lễ, thưa: “Phàm phu đời trước tâm trí cạn cợt, kém cỏi, chưa thể thâm đạt chí lý, xin ngài dạy rõ cho!” Bồ Tát nói: “Ông nay nên phát đại nguyện, nguyện sanh về Cực Lạc. Sau đó, chí thành khẩn thiết xưng niệm A Di Đà Phật sao cho tiếng niệm duyên theo tâm, tâm duyên theo tiếng, tiếng và tâm nương dựa lẫn nhau như mèo rình chuột, lâu ngày chẳng mất thì nhập chánh ức niệm tam muội. Lại phải tiến thêm bước nữa, nên học hỏi với mọi hạng tri thức, học cao hiểu rộng, tự ngộ chơn lý màu nhiệm ‘tâm này chính là Phật’. Ông nay nên đầy đủ lòng tin sâu xa, đừng bắt chước hạng ngu tối nghe rồi chẳng tin, cũng đừng học theo bọn nửa chơn, nửa giả, nửa tin, nửa ngờ; tuy mang tiếng lãnh thọ nhưng chẳng có tâm phụng hành chơn thành”.

* Bồ Tát bảo bà mẹ ông Tra: “Sao bà chẳng siêng năng niệm Phật?” Đáp: “Do tôi có thêm con cháu, thường hay ẵm bồng, sợ mình bất tịnh”. Bồ Tát dạy: “Bà nghĩ mình bất tịnh niệm Phật sợ bị mắc tội chứ chẳng biết không niệm Phật mang tội vô lượng. Đừng ngại tịnh hay chẳng tịnh, chỉ cứ niệm mà thôi”.

* Ông Trần Vĩnh Thọ hỏi về kết cục, Bồ Tát dạy cho bài kệ:

Tiết dục, tránh sân,
Là phép giữ thân
Thâu liễm an tịnh
Là phép giữ nhà
Cưới xin tùy sức
Là cách bớt việc
Làm lành niệm Phật
Là pháp xuất thế
Giữ bốn pháp ấy
Kết cục thông đạt.

* Ông Cố Thiện Ký hỏi việc chung thân và cách thức làm lành, Bồ Tát dạy: “Nếu ông giữ được tâm chánh đáng, làm việc chánh đáng thì sẽ được chung thân chánh đáng. Nếu ông ôm lòng tà, làm việc tà, ắt bị tà chung thân. Còn với một chữ Thiện thì tùy thời, tùy chốn mà làm. Việc lớn, việc nhỏ đều được. Cũng nên tránh giết chóc, phải phóng sanh, tùy sức giúp kẻ nghèo, giúp người khổ; trì niệm A Di Đà Phật, hồi hướng Cực Lạc. Ngày ngày [làm như thế] chẳng gián đoạn, suốt cả ba năm chẳng thay đổi thì ông mới xứng đáng với bốn chữ ‘hảo tâm hành thiện’.

* Bồ Tát dạy ông Vô Hủ: “Đại để người tu Tịnh nghiệp: đi, đứng, nằm, ngồi, đứng lên, ngồi xuống, ăn uống đều nên hướng về phương Tây thì sự cơ cảm dễ thành, căn cảnh dễ thuận thực. Trong thất chỉ bày một tượng Phật, một quyển kinh, một lò hương, một cái bàn, một cái giường, một cái ghế, chẳng được bày nhiều thứ khác. Trên sân cũng quét dọn thanh tịnh để đi kinh hành không trở ngại gì. Cần giữ cho tâm này chẳng vướng bận mảy may gì, quên hết muôn mối lo, trống rỗng, chẳng biết có thân, chẳng hay có đời, cũng chẳng biết việc mình đang làm ngày nay là việc tu hành. Được vậy thì ngày càng gần với đạo, ngày càng cách xa đời, mới xu hướng Tịnh nghiệp được. Lúc bình thời ông đã có thể buông bỏ sạch hết thầy sự, trong ý niệm chẳng còn chút mắc mứu nào thì khi đại hạn xảy đến, thanh thân, thanh thời, chẳng có ý tưởng lưu luyến con cái, nuối tiếc tám thân, con cháu, há chẳng phải là hành vi của bậc đại trượng phu ư? Bởi vậy, ông nên nhất ý tu hành, chẳng còn dính mắc điều gì khác nữa. Đó chính là điều then chốt nhất.

Còn như cách thức Tịnh tu thì chẳng ngoài hai chữ ‘chuyên cần’. Chuyên là chẳng làm chuyện gì khác. Cần chẳng bỏ uổng lúc nào. Nay ông sáng dạy liền tụng một quyển kinh Di Đà, trì một ngàn câu A Di Đà Phật, đối trước Phật hồi hướng, niệm bài Nhất Tâm Quy Mạng (xin xem phụ lục) vì bài này lời lẽ giản dị nhưng ý nghĩa súc tích. Đây chính là công khóa trong một thời. Như lúc sơ khởi nếu thân tâm còn chưa yên thì mỗi ngày chỉ hành trì bốn thời. Đã hơi yên thì dần dần tăng đến sáu thời, lại tăng dần đến mười hai thời: tụng được mười hai quyển kinh, niệm danh hiệu Phật một vạn hai ngàn tiếng. Trong lúc hồi hướng lại lễ Phật trăm lạy, cũng có thể chia làm bốn thời. Đây là thường khóa mỗi ngày. Những lúc khác chẳng cần tính vô số ấy.

Dù niệm thầm hay niệm ra tiếng đều phải nhiếp tâm niệm chắc chắn mà thôi. Hơn nữa, trong pháp trì danh, cần phải mỗi câu mỗi chữ, tâm và tiếng phải nương theo nhau, chẳng được xen tạp mảy may ý niệm thế tục. Lâu ngày thành thực, quyết định được vãng sanh Cực Lạc, ngồi trên hoa sen báu, đạt lên địa vị Bất Thối. Nếu năm tháng tuổi già chưa hết, do ông đã chứng đắc như thế, ông sẽ dạy dỗ đại chúng hồng báo ân sâu của Phật. Nếu ông có thể nhất nhất tuân thủ lời ta thì mới chẳng phụ công Giác Minh Bồ Tát dạy ông chánh đạo, khiến cho ông xuất gia đã chẳng phụ công hòa thượng Tam Muội thế độ, truyền cho ông đại giới. Đây thật chẳng phải là nhân duyên nhỏ nhoi, ông chớ nên tự sanh lòng khinh mạn, cần thận, cần thận!”

* Bồ Tát dạy ông Thường Nhiếp: “Ông tính trì tụng thần chú Đại Bi, cầu đức Quán Âm thăm gia hộ cho mau được nhập đạo. Rất tốt! Nhưng ông chẳng được chần chừ đến nỗi chí nguyện lẫn sự nghiệp chẳng thành. Cần phải làm ngay đi, cứ thẳng đường mà tiến. Ông nay nên tự ấn định thời hạn, định mức số câu, thời khóa, dứt tuyệt việc đời, ở yên trong một thất. Mỗi một thời tụng chú trăm lần và lạy một lần [Đại Bi] Sám Pháp do ngài Tứ Minh soạn để sám hối nghiệp chướng hầu giúp phát khởi công hạnh thù thắng. Đó là một thời. Một ngày một đêm chia thành sáu thời: Năm thời trì chú, một thời lễ sám. Các thời khác an tọa tu Thiền, thâm nhập bất tư nghị huệ.

Vì sao gọi là bất tư nghị huệ? Hiểu trọn vẹn rằng ngoài tâm không pháp, các pháp chẳng có tên, thấu đạt không có mảy may gì được thành lập cả. Nhất niệm viên dung, chẳng thể suy nghĩ nổi, chẳng thể bàn luận nổi nên gọi là bất tư nghị huệ. Nương vào diệu huệ đó thì tâm gom vào nơi vi tế, nhiếp vô nhiếp tướng, nghĩa là chẳng thấu nhiếp gì hết, nhưng chẳng trở ngại gì đến nhiếp cả thì gọi là khéo nhiếp tâm! Do tâm đã được thấu nhiếp nên không việc gì chẳng hoàn thành. Nói tóm lại, không có lúc nào không hiện hữu nhưng luôn nhập vào tâm, ấy là cái gốc của việc trì chú nhiếp tâm. Tự nhiên túc chương bằng tiêu, định tâm hiển hiện rõ ràng hoặc là được tam muội khai phát, khế hợp diệu tâm sẵn có. Chẳng để uổng phí năm tháng, nên khắc định kỳ hạn để tấn tu đạo nghiệp. Nếu không thì hôm nay, ngày mai, năm tới, tháng sau hoặc làm hoặc chẳng làm, muốn tiến chẳng tiến, bảo đảm cả trăm năm sau ông vẫn giậm chân tại chỗ, trọn chẳng thể dời nổi một bước. Cần thận! Gắng lên!”

* Bồ Tát lại dạy ông Thường Nhiếp: “Chỉ tám chữ ‘cưỡng thuận nhân tình gắng gỏi việc đời’ khiến ông làm lạc đại sự cả một đời người. Từ ngày nay trở đi, quyết chẳng nên trì kéo, nắm níu, bon chen như trước nữa. Đạo nghiệp chưa thành, vô thường đã xộc tới. Gấp nên thu hình ấn tích, nhất tâm hướng về đạo, chẳng nên làm lạc nữa!”

* Ông Đạt Bản tuân lời dạy, xuất gia, Bồ Tát dạy: “Ông tuổi già xuất gia chẳng được học lan man nhiều sự khác, chỉ tụng kinh Di Đà, nhật khóa niệm Phật một vạn hai ngàn câu, từ ít tăng dần lên nhiều, chơn thành thiết tha cầu sanh về Cực Lạc. Đấy chính là cách chỉ hoàn thành được một việc, trăm sự đều ổn thỏa. Đừng bắt chước kẻ ngu trong đời cao đàm khoát luận, bàn tán luận tâm; thấy người niệm Phật liền nhất loạt dè bêu, chê bai công hạnh của người ấy chẳng bằng gã mù chữ trong thôn ba nhà hay kẻ ăn mày niệm kinh Tam Quan nơi ngã tư đường, uổng cả thời gian, làm lẫn đại sự. Vì thường ngày ông ưa bàn Thiền mà chẳng thấu đạt điểm trọng yếu, mầu nhiệm của Thiền, cũng chẳng thể tin sâu Tịnh Độ, rỗng chắc niệm Phật nên ta mới dạy như vậy”.

* Bồ Tát lại dạy ông Vô Hủ: “Tụng mười hai quyển kinh Di Đà, niệm danh hiệu Phật một vạn hai ngàn biến chẳng tăng, chẳng giảm, cứ hành theo đúng lời ta dạy. Nhưng khi tụng kinh phải đều đặn, bình tịnh, đừng hoãn đãi, đừng gấp gáp, chẳng nhanh, chẳng chậm. Niệm Phật cần phải từng tiếng ứng theo tâm, chẳng thô tháo, chẳng lao chao, chẳng hư phù, chẳng trầm trệ mà niệm. Đến lúc hồi hướng, chẳng phải là tụng bản văn Hồi Hướng một lượt là xong, mà phải từ trong tâm mình phát ra lời nguyện Đại Bồ Đề chơn chánh, chí thành khẩn thiết, nguyện khắp hết thầy chúng sanh cùng vãng sanh Cực Lạc, nhưng tâm mình chẳng chấp trước hết như hư không. Đây gọi là hồi hướng.

Lại khi tịnh tọa, nên phản quán thâm cứu: Phật chính là tâm ta, tâm này là Phật, chẳng cần phải cầu tự bên ngoài, đúng như tâm mà trụ, không năng, không sở. Quán sát đúng đắn, chắc chắn như thế không còn có niệm khác thì gọi là tu hành tam muội. Cần thận chớ quên mình, tâm nguội lạnh như đã chết, kéo lại lạc vào tri kiến của ma tà ngoại đạo. Ngồi tịnh tọa một thời như vậy xong liền đứng dậy đi kinh hành, rồi lại trì tụng. Nếu cứ gấp gáp gấp gáp làm liền một hơi, dầu hoàn tất khóa tụng của một ngày nhưng rốt cục thành ra tụng niệm cầu thả, chẳng phải là tu hành chơn chánh vậy. Đại để, người học đạo chẳng tuân lời tri thức răn dạy, quyết sẽ nhọc nhằn nhưng vẫn vô ích, chưa được lâu đã nản. Cần thận, cần thận!

Thêm nữa, đối với những thứ chánh báo, y báo trang nghiêm cõi Tịnh Độ được giảng trong các kinh, ông phải giảng, tụng minh bạch. Giả sử lúc tịnh tọa hoặc kinh hành hoặc khi lễ tụng, nếu như Tịnh Độ hiện tiền thì hiểu biết rành rẽ, chẳng bị dị cảnh mê hoặc”

* Bồ Tát dạy ông Trần Đại Tâm: “Đạo niệm của ông dầu tăng, nhưng thế niệm vẫn chẳng giảm. Phạm hết thầy tướng nhân ngã, tướng danh lợi, tướng sân hỷ v.v... trong thế gian chẳng phải chỉ phát xuất từ nơi thân, mà nó phát xuất từ lưới trần dăng đặc từ trước. Hễ tâm vương vất đôi chút liền tạo thành nhân duyên chướng đạo. Ông cần phải hiểu rõ như thế. Ông chỉ cần thân lễ A Di Đà Phật, miệng tụng A Di Đà, tâm niệm A Di Đà, chẳng hề có chút mảy may phân biệt liền sạch lầu trần cấu, xé nát lưới trần, sanh về cõi Cực Lạc. Ông cần phải hiểu minh bạch như thế”.

* Có kẻ hỏi việc chung thân, Bồ Tát dạy: “Ông hỏi việc chung thân ư? Ta đây trọn chẳng có pháp chung thân vì lúc ta học Bồ Tát đạo, trải bao kiếp tu hành chưa từng học được việc ấy. Nhưng mà ông ngu si quá, chung thân chẳng qua là như thế đó, hỏi người khác ích gì? Sao ông chẳng hỏi đầu bạc cả rồi, mặt nhăn nhúm rồi, thân đã yếu rồi, vô thường rồi sẽ xảy đến, sẽ phải đến gặp mặt Diêm La đại vương thì nên kiếm một lời nửa câu nào đối đáp để tránh khỏi bị gông cùm nghiệp trói? Sao ông chẳng hỏi sự ấy?”

* Tăng Pháp Duyên muốn kết định kỳ hạn lễ Di Đà Sám. Trước tiên, ông đến thỉnh ý Bồ Tát. Ngài dạy: “Di Đà Sám là do ngài Từ Vân Sám Chủ soạn

mới đây đều đủ lý nhất tâm, sự nhất tâm, chuyên nhất vào một sự. Nếu bốn tướng (nhân tướng, chúng sanh tướng, ngã tướng, thọ giả tướng) chẳng sanh, lặng trong như hư không thì gọi là lý nhất tâm. Nhất tâm ấy khó đạt. Ngoài phải siêng tu tập sám pháp để trừ túc chướng, trong phải theo đúng lý tu quán hầu đạt đến nhất tâm. Đã được nhất tâm lo chi chẳng nhập được đạo? Trong kỳ hạn tu sám, ông chớ quản thân mình hay vì thí chủ, cũng chẳng quản là lâu dài hay chẳng lâu dài, chỉ cốt quét sạch tập khí, tẩy sạch thân tâm. Chẳng thành tam muội thề chẳng ngơi nghỉ mới được.

Thêm nữa, tuy ông theo thứ lớp trong pháp sám ấy [tu tập] nhưng vẫn chưa phải là tu hành. Nếu chơn chánh tu hành thì phải buông bỏ vạn duyên, một bát sống nhờ thập phương, một thân nương nhờ khắp cõi đất, chơn thành thiết tha cầu thoát sanh tử, đấy mới là cách tu hành chơn chánh. Nếu cứ khăng khăng đôi ba kỳ hạn sám hối, xong rồi vẫn bon chen việc đời mà muốn thành Tịnh nghiệp, thoát khỏi sanh tử thì chẳng khác nào hút gió nuốt sương lại mong no đủ. Trên đời chẳng hề có việc ấy. Ông chớ khởi ý tưởng ngu si như thế đến nỗi đói rét mà chết”.

* Vương sư (chỉ quân binh nhà Thanh) kéo xuống đất Tam Ngô, bọn giặc vùng Thái Hồ nổi dậy chiếm thành rồi lại rút chạy. Lâu ngày mới yên ổn trở lại, mọi người mới dần dần tụ tập về. Bồ Tát dạy: “Sau cơn biến loạn ngày mười ba tháng Sáu, mọi người có sợ hãi không? Các ông nên biết: Đấy đều là do từ vô thủy kiếp đến nay chẳng thể tu thiện, tạo đủ ác nghiệp cho nên đời kiếp kiếp chẳng thoát nỗi tai họa này. Như thời Lương Vũ Đế, tám người do chiến tranh nên đều thất lạc hết. Bây giờ lại gặp binh biến, không chỗ trốn tránh. Đủ thấy rằng chúng sanh chẳng vượt khỏi ba cõi, đạt vô sanh thì rất cực khó thoát nỗi nhân duyên nghiệp báo dẫu chỉ phân tấc. Các ông may còn chưa chết nhưng cũng đã mắc hiểm nạn lớn. Nghiệp quả ba đời đáng kinh, đáng sợ. Các ông còn chưa nhất tâm tu đạo, sớm thoát luân hồi, đời sau kiếp khác thật chưa chắc đã được vẹn tròn, biết làm thế nào đây?”

* Bồ Tát dạy ông Trầm Nguyên Huy: “Nói chung, người tu Tịnh Độ kỳ nhất là xen tạp. Thế nào là xen tạp? Tức là vừa tụng kinh, vừa trì chú, vừa kết hội, lại ưa nói đôi chút về sự khẩn yếu của Thiền, lại ưa bàn những chuyện cát hung, họa phúc, thấy thần, gặp quỷ. Đấy chính là xen tạp. Đã xen tạp thì tâm chẳng chuyên nhất. Tâm chẳng chuyên nhất thì khó thấy Phật vắng sanh, phí uổng cả một đời. Nay ông chớ nên làm như thế, chỉ khẩn thiết trì một câu A Di Đà Phật, cầu sanh về Cực Lạc. Lâu ngày công hạnh thành tựu, mới là chẳng sai lầm vậy. Ta sẽ truyền cho ông một bài kệ để tuân theo đó mà tu hành.

Một câu A Di Đà

Là tổng trì vạn pháp

Tiếng niệm ứng theo tâm

Niệm đâu tâm theo đó

Cảm ứng bất tư nghị
Ao bầy báu nở sen”.

* Bồ Tát dạy ông Định Khải như sau: “Ông đã gặp đại nạn, may thoát khỏi được. Từ rày nên đau đáu nghĩ đến lỗi trước, dứt tai ương về sau, không còn bộ chấp tranh hơi, khoái ý đua tài khiến thân mang vạ. Nay ta đặt tên cho ông là Khải. Khải là gì? Là Từ, là Nhân. Từ để lập thân, Nhân để giúp người. Công danh có được cũng chẳng vui, có mất cũng chẳng buồn. Chỉ lo vun bồi tâm lành, kiên cố thiện hạnh ngõ hầu đáp tạ tứ ân mà thôi”.

* Có một lúc Bồ Tát giảng lâm pháp hội, có đến hơn ba người chưa dứt khoát tâm nghi, đều đến thưa hỏi. Bồ Tát thương xót bọn họ: tuy đều sẵn lòng chí thành nhưng chưa biết đường chánh tu hành, bèn ban lời dạy dỗ:

- Hội ngộ hôm nay đáng gọi là hữu duyên. Nhưng nếu ta giảng Phật pháp cho các ông, sợ các ông chưa quen nghe, e khó lòng tin hiểu nổi. Chi bằng ta dẫn sách Nho trong đời để trò chuyện, họa may các ông tin được một hay hai câu. Sách Trung Dung chép: “Hoặc vì an ổn mà làm, hoặc vì lợi mà làm, hoặc miễn cưỡng mà làm”. Xét lúc này đây, chẳng phải vì lợi hay ổn mà làm thì ắt là miễn cưỡng mà làm; điều ấy cũng chẳng nên! Tức là các ông sau khi gặp ta, cũng từng đã phát tâm nếu miễn cưỡng làm lành ắt sẽ có ngày bỏ lửng, hoặc dần dần biếng nhác. Vì sao như thế? Chỉ vì đối với một chữ ‘thiện’ xem rất lợi là, cứ nghĩ là làm lành chẳng thấy công hiệu gì, chẳng như làm ác có công hiệu ngay.

Chẳng biết rằng: nếu làm lành thật chẳng có công dụng gì thì sao bậc thánh hiền từ xưa đến nay trọn chẳng làm chút điều ác nào! Còn hành thiện thì tận tâm tận lực làm cho được trọn đủ cả mười hai phần. Lại như nếu quả thật làm ác có công hiệu thì tự xưa đến nay, hiền nhân quân tử sao chẳng cầu nơi việc có công hiệu; ngược lại, còn thực hiện việc không có tác dụng gì?

Vả lại, hãy xem mấy kẻ làm ác hiện tại, tuy được sung sướng ngay trước mắt, nhưng rốt cục mấy kẻ được hưởng kết cục tốt lành: chết an lành, danh tiếng tốt, con cháu ngoan ngoãn suốt trong nhiều đời. Lại như mấy đứa bé mới mấy tuổi trong thế gian, hề thấy nói đến người lành còn biết khen ngợi, há chẳng phải là làm lành ắt được đại lợi ư? Thấy nói đến kẻ ác, chúng cũng biết căm giận, há chẳng phải làm ác chẳng được đại lợi ư?

Việc này quá dễ hiểu, chẳng phải vì các ông không thông minh nên không hiểu nổi, chỉ vì các ông chẳng thể thật tâm hướng thiện cho nên nhất thời chẳng thể quán sát tỉ mỉ đó thôi! Bởi vậy, thường ngày hề bỏ ra một tiền là muốn khoe ngay với người khác hòng được một lời khen ngợi. Muốn khoe ngay với người khác là chỉ làm thiện bề ngoài, chẳng hiểu nổi chỗ dụng tâm khẩn thiết của bậc đại thánh, đại hiền. Chưa hiểu được ý vị đã buông tay bỏ lửng. Nếu các ông ngày nay quả thật tấm lòng chơn chơn thật thật, hành việc chơn chơn thật thật thì chẳng được khởi lên mấy may vọng tưởng mong mỏi

trong khi làm lành, thần nhiên an vui theo mạng trời, giữ riêng mình biết, chẳng thấy có việc chung thân để cầu, có kết cục để hỏi, [chẳng thấy] có ngũ hành, bát tự ⁽⁶⁾ vận mạng cùng quần hay thông suốt để bói toán, chẳng thấy có cát hung, được mất để đoạt lấy hay tránh né. [Như thế] thì tự nhiên không tai họa nào chẳng tiêu, không phước nào chẳng đến. Đạo càng ngày càng tăng, đức càng ngày càng chứa, thành thánh, thành hiền chẳng khó gì! Đấy chính là sự thật tương lai nhất định của các ông nên ta mới đề cập đến sự thành công ấy đó thôi. Nếu không, lúc sống thì kẻ tiểu nhân chẳng kiêng dè, lúc chết ắt sẽ mục nát cùng cỏ cây, chẳng đáng đau đớn sao?”

Bồ Tát dạy lời ấy xong, im lặng mà trụ. Đại chúng khi ấy vẫn nghiêm chỉnh chờ đợi, rồi lại có người lễ bái khẩn cầu. Bồ Tát dạy: “Bọn các ông thật là ngu si quá, nghe lời như vậy xong vẫn chẳng sanh lòng mong giữ lấy, sanh ý niệm tự xét lại mình, chỉ mong đem những chuyện con cái, thân mình, gia đình trong lòng ra hỏi cho kỳ được mới thôi. Khổ thay, khổ thay, nhưng Bồ Tát đại từ chẳng tận nên lại sẽ nói đôi câu cổ ngữ để đánh tan cơn si mộng của các ông.

Một là người học đạo hể tình bất chánh thì tánh bị ly tán, tâm chẳng vững thì đức ắt khuyết, thường thường dè dặt trong từng phút giây nhưng bị biến đổi trong khoảnh khắc. Nếu như thế thì là hạng chẳng thể thành tựu được, khó lòng nhập đạo, nào phải vì thánh nhân chẳng chịu dạy người hay thánh nhân đã chán mệt nên mình tuyệt phận. Những người hiểu biết trong đại chúng đây hãy nên suy nghĩ.

Hoặc là thiên hạ nào đã hết sạch bậc thông minh hưởng thượng, nhưng bị lòng tự phụ vào trình độ hiểu biết ngăn che nên chẳng thành đại khí. Một khi người ấy đã ý mình là đúng thì chẳng thể để tâm rộng rang quy hướng chánh đạo. Những người mình giao tiếp hằng ngày nhất định toàn là hạng dung tục, tăng bốc lẫn nhau. Hể trót làm việc gì chẳng thể cam nhận lỗi mình nên đức nghiệp mới nguy ngập. Những người hiểu biết trong đại chúng đây hãy nên suy nghĩ.

Thế nhân tham muốn có được, ai nấy đều ra sức cưỡng cầu, nào hay hể đạt được một tiền biết còn có mạng hay chẳng? Cứ thấy công danh, phú quý là bảo do trí lực của mình ắt sẽ đạt được. Nếu thế thì trời cao lòng lộng, thần minh rõ rõ là vô dụng ư? Nếu như cứ cưỡng cầu mà được thì mạng số ắt cũng phải cầu được! Chẳng phải vì các ông nhiều phen vận dụng tâm cơ gấp rút mà trời sẽ thương xót ban cho. Nếu cứ miễn cưỡng cầu tìm thì sẽ mang nhục, chẳng vinh, bị mất mát, chẳng được gì, sẽ vướng cái họa sát thân, nhọc công mà chẳng lợi ích cho ai cả, mắc tai ương tổn đức, chẳng tăng thêm được phước lành. Trời chán ghét, thần minh bỏ rơi. Những người hiểu biết trong đại chúng đây hãy suy nghĩ lấy.

Ân lớn trong trời đất không gì hơn được ân cha mẹ. Cha mẹ còn sống là vị Phật đang sống trong nhà. Cha mẹ đã mất vẫn truy báo được. Thử nghĩ xem thân này là từ đâu mà tới, do ai được trưởng thành? Sao chẳng phản bổn tầm nguyên, tận tâm, tận lực kính thờ, vâng thuận. Thậm chí có kẻ kết

oán với cha mẹ, chẳng đoái hoài gì đến, chỉ chăm chút vợ con, chẳng hiếu dưỡng cha mẹ. Thậm chí, cha mẹ mắc bệnh cũng chẳng hay, chết cũng chẳng chôn. Hoặc là nói một câu là trả miếng một câu tựa như người dưng. Đấy đều là những hạng chẳng bằng cầm thú vậy. Than ôi! Người chẳng bằng nổi cầm thú hay sao? Đáng sợ thay! Những người hiểu biết trong đại chúng đây hãy suy nghĩ lấy.

* Có kẻ muốn được làm quan, hỏi Bồ Tát sẽ được thỏa nguyện hay chẳng, Bồ Tát dạy: “Cái việc làm quan ông đừng mong tưởng. Ông phải biết rằng: thông kinh sử là văn, luyện thao lược là võ, sức lực hơn người là dũng, trí năng xuất chúng là tài. Ông tự lượng xem mình có được một trong những điều ấy hay chẳng? Nếu chẳng có được một điều nào trong bốn điều trên mà muốn làm quan thì bất quá chỉ là hạng gặp may mà thôi.

Nếu là hạng gặp may thì ngay ý niệm ban đầu đã bất chánh. Một khi làm quan ắt sẽ cậy oai cậy thế, chăm chăm bóc lột dân chúng để cốt ám thân mình, quyết chẳng thể làm điều tốt cho nước cho dân. Đến nỗi tích ác ngày càng sâu, chẳng biết cải hối, đời sau nhất định làm thân trâu, ngựa, lạc đà, lừa có sức mạnh để báo đáp người đã nuôi mình. Như các loài súc sanh trong trận chiến tranh vừa rồi đều là hạng tham lộc ham công đời trước, là hạng chẳng có chút công đức gì với thiên hạ cả.

Nhưng lẽ báo ứng xa gần không kỳ hạn, hoặc là gặp họa ngay trong đời này, hoặc con cháu mắc vạ. Chẳng hạn như bọn người tội phạm bị giam cầm, thân bị cắt xẻo, đâm chém. Con cháu hư hỏng hoặc tuyệt diệt không ai nối dòng là bởi như thế đó. Lại còn kẻ tổn hại lương dân, đoạt tài sản họ, ấy là vật bất nhân bất nghĩa. Đem những thứ ấy cúng tế tổ tiên khiến tổ tiên càng nặng tội. Đem cúng thần minh, thần minh thêm giận. Đem cúng chư Phật thánh hiền, Phật thánh ứa lệ. Đem kính phụng người nhân từ có đạo đức khiến họ đâm ra thẹn hổ. Như vậy là tội ác chưa cùng cực mà oán kết chồng thêm. Đời sau quyết định sẽ làm loài dê, heo, gà, chó [là những loài] không có sức mạnh để báo đáp người nuôi mình và hạng người bàn cùng, hạ tiện rất khổ trong thế gian.

Hơn nữa, hạng người nhờ may được làm quan ấy dẫu làm việc tốt lành gì cũng chẳng tránh khỏi trong công lẫn tư, trong thiện lẫn ác. Tội phước ảnh hưởng chẳng sót tơ tóc. Tham danh tiếng, vinh hoa hữu hạn để phải chịu ác quả bao đời. Làm quan nhờ may mắn, tâm đắm chìm trong lợi dục. Những chuyện như vừa nói trên, thế bắt buộc phải vậy, chẳng đáng sợ sao!”

* Ông Vương Định Hựu cầu con, Bồ Tát dạy: “Ông từ nay đừng giết sanh mạng, đừng ăn thứ những loài vật khác, đừng đa dục, lắm sân hận. Vì sao thế? Sát sanh tổn hại đức từ của trời đất, trái nghịch đạo trường dưỡng. Ăn thịt những loài vật khác ắt tăng thêm dâm, uế, hoặc đến nỗi bị bệnh nặng. Đa dục, nhiều sân hận tổn hại thọ mạng rất nhanh, phá vỡ sự bình hòa của nguyên khí; còn phạm vào cấm kỵ của âm dương rất nhiều. Ông nay nên

phải luôn dè dặt giữ gìn ba điều ấy, chăm chăm phụng dưỡng mẹ già, bố thí, từ ái, giúp người nghèo, cứu người khổ, làm đủ các việc âm đức, tích lũy chẳng bỏ phế thì trời ắt sẽ ban điều tốt đẹp cho ông”.

* Bồ Tát dạy ông Lục Định Tức bài kệ như sau:

Thân cận bậc lão thành
Đừng quen kẻ ác đại,
Bậc quân tử thượng đạt
Các ông nên cố gắng
Khuyên bảo mẹ tu hành
Ấy chính là đại hiếu
Phải chí thành cung kính
Tuân lời Bồ Tát dạy.

Ngài lại dạy rằng: “Ông về nhà, đến bên mẹ thiết thiết tha tha khuyên mẹ chí tâm niệm Phật, cầu sanh Cực Lạc. Nếu mẹ chẳng ăn chay nổi thì đừng miễn cưỡng, chỉ cốt mẹ không sát sanh. Nếu mẹ chịu quy hướng Phật Di Đà, tự thôi ăn mặn thì đấy là hiếu hạnh bậc nhất trong thế gian. Ông hãy gắng làm thế”.

* Lúc bấy giờ, duyên ứng hiện của Bồ tát đã hết; vì thế, ngài triệu tập các đệ tử, người nào cũng được Bồ Tát dặn dò.

Ngài dạy ông Định Miễn như sau: “Ông tên là Định Miễn, nên tự hiệu danh hiệu mình: gắng sức tu hành sẽ tự được khai ngộ Vô Thượng Bồ Đề, làm bậc thiện tri thức, nối tiếp Phật huệ mạng. Ông đừng tự buông bỏ”.

* Ông Định Khai hỏi về yếu chỉ Nhất Tâm Tam Quán, Bồ Tát dạy: “Điểm mầu nhiệm trong pháp Tam Quán của tông Thiên Thai là ở viên tâm. Nếu biết được viên tâm thì thấu tột được đạo”. Bồ Tát dạy ông Định Khai cùng Định Miễn cùng đứng, nhận lấy bài kệ:

Nhất khai thì nhị khai
Kể từ nay trở đi
Hạt giống dòng Bồ Đề
Được hai tay khéo trồng

* Ngài dạy ông Thượng Đức:

Đầu đã hói
Nên tri túc
Nghĩ vô thường
Đoạn ái dục!
Nam mô A Di Đà
Niệm niệm luôn tiếp nối

* Bồ Tát dạy ông Nhĩ Chi:

Siêng thì chẳng bệnh
Chẳng siêng sẽ bệnh
Chớ bảo túc nghiệp
Báo ứng rất gần!
Nhiều lần thân cận
Từ phụ Di Đà
Còn được sống lâu
Huống là hết bệnh.

* Bồ Tát dạy ông Trần Đại Tâm:
Già chẳng dễ chịu
Chết quyết trói buộc,
Xong nợ con cái
Mới hòng sướng vui.
Cực Lạc chẳng xa
Chớ tự cách tuyệt

* Bồ Tát dạy ông Trần Nguyên Huy:
Thăm sâu chẳng lộ
Mới là tri giới
Nếu lộ ra ngoài
Không lâu ắt bại
Niệm đã chẳng chơn
Chẳng được tự tại
Phước, họa, cát hung
Ông phải tự dè.

* Bồ Tát dạy ông Đỗ Nghĩa Kiến:
Thiện chính là nghĩa
Bất thiện bất nghĩa
Nghĩa, thiện chẳng hai
Chỉ thấy cái nghĩa
Vì nghĩa mà thấy
Chẳng thấy phi nghĩa
Lúc thấy phi nghĩa
Thấy vô kiến nghĩa.

* Bồ Tát dạy nữ đệ tử Ý An như sau: “Vì mắc bệnh mà bà chẳng niệm Phật hay sao? Ôi chao, bệnh càng nặng càng phải siêng niệm mới tốt chứ! Nếu đến lúc bệnh nặng quá chẳng niệm nổi thì đã lỡ làng rồi!”

* Bồ Tát dạy ông Vô Hủ:
Báu chi miếng ngọc?

Phải tiếc tác bóng
Chánh niệm Di Đà
Tín quang rạng rỡ
Đừng tham chuyện cũ
Mất luôn tiền đồ.

* Bồ Tát dạy ông Thường Nhiếp:
Có miệng tựa hồ câm
Có tai làm như điếc
Chẳng lẫn lộn với đời
Mới là sùng đạo nghiệp

* Ngài dạy ông Thường Nguyên như sau:
Hạnh chờ để biếng nhác
Biếng nhác chẳng là Tăng
Nếu ông tự phé hạnh
Thân mang nhiều hậu họa

* Bồ Tát dạy ông Định Mậu:
Ông là đạo nhân
Phải tịnh tâm mình
Tịnh được cái tâm
Mới hơn người được!

* Bồ Tát dạy ông Định Tuyền:
Hạnh rỗng chắc là quý
Nhưng vẫn là chưa hay
Nếu chỉ có như thế
Mà đã coi là đủ
Thì xuất gia ích gì?
Phải nguyện lìa si ngã
Nên khởi phát đạo ý
Đừng để bỏ luống uổng

* Bồ Tát dạy ông Tra Định Hoảng:
Bồ Tát nói kệ
Về bảo mẹ ông
Lúc thường uống ăn
Chống lo xong việc (**).

* Bồ Tát dạy ông Trần Định Chuyên:
Mình trời cao nhất
Không đâu chẳng thấy

Ông giữ sơ tâm
Chớ để giảm ít.

* Bồ Tát dạy ông Đạt Bản:
Đạt Bản vô bản
Nên dứt vạn duyên
Chỗ nào chẳng yên?
Bởi thế, gấp gấp!
Một mai xuôi tay
Trai cày, gái dệt,
Hồi tưởng sanh tiền
Ông sẽ khóc lóc.

* Bồ Tát dạy từng người xong, lại bảo đại chúng rằng: “Từ lúc ta giảng cơ đến nay, những lời ta nói ra đều là những điều yếu diệu để tu hành. Các người phải luôn luôn thể hội, cực lực tuân hành thì nhất định sanh về thượng phẩm. Từ nay Bồ Tát sẽ chẳng giảng đàn nữa. Các đệ tử ai nấy phải nỗ lực, đừng để lỡ dịp này”.

Khi ấy, các đệ tử nghe lời Bồ Tát dạy đều khóc lóc buồn tiếc, chẳng ngửa nhìn lên nổi. Bồ Tát bảo: “Này các đệ tử! Các ông cho rằng nếu Bồ Tát chẳng giảng lâm nữa, e rằng mình sẽ đâm ra biếng nhác, vì đó sẽ bị sai sảy. Chẳng phải vậy đâu! Vì sao vậy? Từ rày trở đi, các ông có tinh tấn thì chỉ là chính các ông tinh tấn, bỏ đường trần tiến vào cảnh thánh; đấy là hành vi của bậc đại trí đại hiền. Còn nếu biếng nhác thì cũng chính là tự các ông biếng nhác, ngoảnh mặt với đại đạo, bước vào chỗ bùn lầy; đấy là hành vi của kẻ vô tri, hạ ngu.

Này các đệ tử! Cần phải luôn tấn tu, chớ sanh lưu luyến, vướng mắc, luôn gấp rút nỗ lực, có chi mà buồn thương!”

Lát sau, Bồ Tát lại dạy: “Các ông chẳng nên mong tưởng Bồ Tát sẽ giảng cơ nữa. Vì sao vậy? Bày ra chuyện cầu cơ vốn là chỗ quỷ thần dựa dẫm, chứ chẳng phải là việc thường ứng hóa của bậc đại Bồ Tát. Nếu các ông tuân phụng lời ta dạy chẳng sai, đối với Bồ Tát sanh tâm kính, sanh ý tưởng khó được gặp gỡ thì chính là báo ân một cách lớn lao”.

Khi ấy, các đệ tử tuy nghe pháp dụ nhưng vẫn bịn rịn chẳng nỡ chia tay. Bồ Tát lại dạy: “Này các đệ tử! Trong túc nhân xưa kia, Bồ Tát cùng các ông có đại duyên. Từ nay ta chẳng giảng đàn nữa, nhưng chẳng nên nghĩ là chúng ta lìa xa nhau. Nên biết rằng Giác Minh Diệu Hạnh lúc nào cũng ở ngay trước mắt các ông. Các ông dè dặt, chớ để một ngày nào quên mất, tự buông bỏ Giác Minh Diệu Hạnh”.

Giây sau, Bồ Tát lại dạy: “Này các đệ tử! Pháp hội đã xong, ai nấy nên đi về đi. Bồ Tát chẳng từ đâu đến, chẳng đi về đâu! Chớ nên khăng khăng chấp nê là Bồ Tát nhất định chỉ hiện diện trên một bức giấy mà thôi! Ai nấy nên

niệm một câu A Di Đà Phật, chí thành làm lễ, cúi lạy nhận lãnh, phụng hành mới là phải vậy!”. []
(Bửu Quang tự đệ tử Như Hòa dịch xong ngày 13 tháng 08 năm 2002)

Lời giải bày cuối sách Tây Phương Xác Chí

Tuy các bậc cổ thánh tiên hiền xa cách đời hiện tại đã lâu, nhưng đọc sách này, thấy rõ những lời dạy trong đây quyết chẳng phải là hư ngụy vậy. Chỉ bàn về lý thời thì Phật pháp du nhập Trung Quốc đã một ngàn năm trăm năm. Trong khoảng thời gian ấy, bậc hào kiệt, minh duệ hẳn được một bản kinh, một bài kệ liền quyết định tin nhập, liễu thoát sanh tử, chẳng tính nổi số lượng. Còn bọn trí cận vội dùng ý riêng xét đoán hàm hồ, bảo Phật giáo vốn phát xuất tự Lão Trang, những thuyết ngụy tác của bọn họ nay thấy đầy trong các sách vở bên đạo Lão. Cứ thử đem các kinh Viên Giác, Lăng Nghiêm mà đối chiếu với kinh Đạo giáo là thấy ngay rành rành mức độ sâu cạn, hợp lý, vô lý khác nhau. Tư tưởng Lão Trang chẳng bằng được nổi với tư tưởng Phật giáo, sao lại bảo là Phật giáo học theo Lão Trang? Điều chẳng hợp lý ấy tự đã phơi bày cái sai của những hạng người tư tâm trên!

Gần đây, chuyện xoay cơ khá thịnh hành, các bậc Thánh Hiền trong Tam Giáo thường tùy phương cảm ứng hoằng khai giáo pháp để hóa độ người đời. Đấy chẳng qua là chuyện bất dĩ. Đọc sách này, ta thấy được những lời dạy đây quyết chẳng phải là ngụy tạo. Cũng chỉ là căn cứ theo lý mà phán định thôi! Tây Phương Xác Chí là lời thuyết pháp của Bồ Tát Giác Minh Diệu Hạnh từ cõi Cực Lạc. Những điều ngài dạy là chê trách tà tu, chỉ quy Tịnh Độ, xiển dương chơn lý nhiệm màu Nhất Tâm, là máu chốt u huyền để hướng thượng, là kim chỉ nam đích thực cho việc học Phật.

Tôi đọc đi, đọc lại, phải than thở rằng: “Hỡi ơi! Liên hoa quốc độ chẳng hề rời khỏi ngay nơi ta hiện đang ở! A Di Đà Phật là toàn thể chúng sanh, sao chúng sanh thường chẳng hay biết, chưa hề phát một niệm tâm hồi hướng, từ chỗ mê vào chỗ mê, trôi lăn bao kiếp, chẳng đáng xót sao! Bồ Tát bị nguyện thâm trọng, đời đời duyên theo chúng sanh, chẳng hề lìa bỏ, hóa hiện giáng cơ khác nào ngài đã tự hiện thân thuyết pháp?”

Đọc cuốn sách này thật đã tin nổi nỗi bồn tâm của chính mình. Tu hành đúng như lời dạy, tâm tâm hồi hướng, không còn nghĩ gì khác, niệm đến cùng cực, vọng tình trống không, đột nhiên vô trụ; tuy hiện vẫn sống trong đời ngũ trước ác thế, thân đã nghiệm nhiên ngộ trong cõi Liên Hoa. Một khi báo duyên đã hết, trong khoảng khảy ngón tay liền vắng sanh. Nhân nào quả nấy, chẳng có trước sau. Còn ai chẳng tin nổi tự tâm thì vì vậy sẽ chẳng tin nổi Tịnh Độ. Thậm chí có người còn nghi ngờ sách này là ngụy tác thì tôi cũng chẳng biết làm thế nào? Sách này được bạn tôi là ông Vương Tam Quán khắc ván in gần xong thì bị lửa cháy mất. Các hiền hữu của chúng tôi bèn khắc lại để sách được lưu hành trong đời. Tôi kính cẩn hiệu đính chương cú, sắp đặt thứ tự trước sau. Làm xong bèn viết lời giải bày như vậy.

Tháng Tám mùa Thu năm Càn Long thứ ba mươi tám, Đông Lâm hậu học
Bành Thiệu Thăng soạn.

Phụ lục

Nhất tâm quy mạng hồi hướng văn

Nhất tâm quy mạng đức A Di Đà Phật ở thế giới Cực Lạc, nguyện Phật dùng tịnh quang soi chiếu con, dùng từ thệ nhiếp độ con. Con nay chánh niệm xưng danh Như Lai, hành đạo Bồ Đề, cầu sanh Tịnh Độ. Phật xưa đã thề: “Nếu có chúng sanh muốn sanh về cõi ta, chí tâm tin ưa, dẫu chỉ mười niệm, nếu chẳng được sanh, chẳng lấy Chánh Giác”. Do nhân duyên niệm Phật đây, con được vào trong biển đại thệ nguyện của Như Lai, nương từ lực của Phật các tội tiêu diệt, căn lành tăng trưởng. Như lúc lâm chung, tự biết thời khắc, thân không bệnh khổ, tâm chẳng tham luyến, ý chẳng điên đảo như nhập Thiền Định. Phật và thánh chúng tay cầm đài vàng đến tiếp rước con. Trong khoảng một niệm sanh về Cực Lạc. Hoa nở gặp Phật liền nghe Phật thừa, đốn khai Phật huệ, rộng độ chúng sanh mãn nguyện Bồ Đề.

Thập phương tam thế hết thầy chư Phật, hết thầy Bồ Tát Ma Ha Tát, Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật.

(*) Thương hàn: Ở đây, thương hàn là bệnh do trúng hàn, trúng nhiệt chứ không phải là chứng bệnh thương hàn (typhoid) do vi khuẩn gây ra như người Việt ta thường gọi.

(1) Niên hiệu Khai Nguyên thứ sáu đời vua Đường Huyền Tông chính là năm 718. Bồ Tát đích thân chứng kiến chuyện Vi Hạnh thiền sư cầu thọ.

(2) Quang âm: ánh sáng mặt trời, thường dịch là tác bóng. Đây là từ ngữ chỉ thời gian. Ở đây ý nói ông Tôn chỉ sống thêm được chừng bảy, tám năm nữa.

(3) Vị tăng trụ lại ở đâu để tu tập trong một thời gian dài thì gọi là trụ tích. Tích ở đây là tích trượng.

(4) Tức là trong khoảng thời gian từ năm 874 đến 888. Đây là thời Đường mạt, các phiên trấn nổi lên cát cứ, tranh giành quyền lực. Hoàng Sào khởi binh, thiên hạ đại loạn. Tính từ thời gian ấy cho đến đời vua Thuận Trị nhà Thanh là tám trăm năm.

(5) Nhận: đơn vị đo lường, chừng bảy hay tám thước Tây.

(6) Bát tự: là năm, tháng, ngày, giờ sanh. Do năm, tháng, ngày giờ thường được phối hợp giữa Thiên Can (Giáp, Ất, Bính....) và Địa Chi (Tý, Sửu, Dần...) nên mỗi thứ năm tháng, ngày, giờ đều gồm có hai chữ, ví dụ năm Đinh Dậu, ngày Kỷ Ty... Tàu thường dùng bát tự để tính toán vận mạng, nhất là trong hai khoa Tử Vi và Tử Bình.

(**) Ý Bồ Tát dạy ông Tra Định Hoàng trong lúc ăn cơm, uống trà thường ngày trong nhà phải gắng khuyên lơn mẹ mình mau tu tập.